

TỬ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TỬ TRÌ KỶ

QUYỂN HẠ (PHẦN 2)

THIÊN GIẢI THÍCH BỐN THỨ THUỐC

Bốn thứ thuốc: gồm hết tất cả các vật thuộc về thức ăn. Đối trị thân cho nên hai thứ bệnh gọi chung là thuốc. Thọ gồm tay miệng đều bao gồm bốn thứ thuốc. Nhưng thời được tay miệng xin ngăn trệ, ba thứ còn lại đều chung.

Tịnh nghĩa là thuyết tịnh, chỉ hạn cuộc bảy ngày. Nếu nói về hộ tịnh tác tịnh thì chung bốn thứ thuốc. Hai chữ thọ tịnh từ pháp mà có tên.

Trong phần nêu ý, hai câu trên là nêu công, mạng sống dài ngắn là do túc nhân chiêu cảm nên gọi là báo mạng. Giúp nuôi sống còn tức là duy trì. Chi nghĩa là nương tựa nhau. Hai câu kế là nói lên thường đối bệnh, thể không ngoài bốn thứ này.

Ngôn trở xuống là giải thích tên, đều từ thời mà lập.

Trong phần Thời được nói rằng: Sự thuận đối với trên từ sáng đến giữa ngày, đây là Thời thực nên pháp ứng đối Thánh giáo ở trên cho trên dùng, vì không trái lời dạy. Trong Phi thời nói ngoại tức trung hậu, đây là chỉ nghĩa phi thời.

Trong phần nói về thuốc bảy ngày.

Năng nghĩa là công năng vì công năng của thuốc đến bảy ngày.

Trong phần nói về thuốc trọn đời, đầu tiên nêu danh nghĩa, cho pháp dùng lâu tức trọn đời.

Kế nêu ba tướng, sau dẫn văn nói riêng loại thuốc thứ ba. Vì thế nay thêm phải kỳ hạn trọn đời.

Trong phần nói về phân chương. Phân tức là khoa đoạn, đầu tiên nêu bốn thể, không được xen lẫn nhau.

Hai là chỗ để thuốc.

Ba là nói lia lổn ăn.

Bốn là tướng tịnh sinh

Năm là có thể biết.

Trong phần nói về thời dực, luật Tử Phần nêu chánh và không chánh, đã thâm phần nhỏ nhiệm.

Luật Tăng-kỳ nói mạn thanh cũng gọi là vũ thanh, tức một loại thông. Lại nói rằng người phượng Bắc gọi tế ni là Cam Thái. Rượu, giấm, v.v... đều nằm trong phần Thời tương (tương là nước gạo).

Kế lựa cá, thịt, dẫn trong phần phế bỏ. Đầu tiên là nêu, trước phế bỏ lời dạy. Kế từ Niết-bàn trở xuống là dẫn chế đoạn sau. Trước tuy đoạn nhưng kinh Lăng-già, v.v... chỉ chung lỗi kia. Kinh Niết-bàn trong phần cuối khai hội, cho nên đặc biệt dẫn ra phẩm Như lai Tánh. Đầu là dẫn bỏ văn trước. Hai câu đầu là lập chế, một câu kế là dạy quán nhằm lia. Kinh chép: Như hai vợ chồng cùng dắt một đứa con đến chỗ hoang vắng, bị hiểm nạn, lương thực cạn hết, bèn giết đứa con mà ăn thịt, khi ăn nước mắt tuôn trào nên không cảm thấy được mùi vị. Tỳ-kheo cũng như vậy. Nay quán thịt của tất cả chúng sinh như thịt con mình. Khi thực hành tưởng này sẽ không ham ăn.

Phu trở xuống là nói lên lỗi hoạn. Đại bi là tâm Phật tức đối mình với người làm hư hạt giống Phật? Thủy trừ không hành là nêu xứ nhiếp vật, chìm lặn, bay chạy, không chỗ nào không thâm.

Nay người ăn thịt do hại mạng sống kia thì sẽ bị oán thù. Kế là từ kinh trở xuống là dẫn quyết đoán văn trước. Muốn nêu bày lời dạy trước vì không có lỗi.

Bốn loài sinh là thai, noãn, thấp, hóa.

Kinh chép: Vì độ chúng sinh nên thị hiện ăn thịt mà thật không ăn.

Kế là trong kinh Lăng-già nói mười lỗi, cần phải quán sát.

1- Sợ ăn thịt cha mẹ, thành tội ác nghịch. Vì thế, kinh Phạm Võng chép: Tất cả nam nữ đều là cha mẹ ta, đời đời ta đâu từ đó thọ sinh, mà giết ăn thịt tức là giết cha mẹ của ta.

2- Sợ ăn đồng loại, không có lòng nhân từ.

3- Súc sinh giao hợp tinh huyết tạo thành hôi tanh dơ uế mà ăn vào miệng thật đáng nhờm gớm.

4- Do ăn nhiều thịt, đổi huyết khí kia, chúng sinh nghe đó biết là người hay giết hại chúng sinh...

5- Trong kinh Niết-bàn gọi là cắt đứt hạt giống đại từ.

6- Do người ngu si bất tịnh gây ra, cho nên chỉ có ăn nuốt, không có tiếng tốt.

7- Trì chú cần phải tinh khiết còn răn cấm các vị cay nồng, hướng

chi là máu thịt.

8- Hễ khi gặp súc sinh liền nghĩ đến mùi vị kia.

9- Có ba lỗi:

- Thiên báo (quả báo sinh về cõi trời) thanh tịnh nên người ăn thịt bị xả bỏ.

- Không huân tập pháp lành nên có nhiều ác mộng.

- Thân đồng khí huyết của súc sinh nên bị cọp, sói ăn thịt.

10- Do tướng này nên ăn thịt đồng loại.

Văn Túc Vương: Khi xưa, cha của vị này vào núi đi săn, nhiễm Sứ Tử mà sinh. Khi sinh ra, thân người, chân bị loang lổ, sau nổi nghiệp vua. Một hôm, người thường hay nấu thức ăn cho vua, thiếu món thịt bèn tìm được thịt của một đứa bé dâng lên vua. Vua dùng rồi, cảm thấy mùi vị khác, bèn ra lệnh phải thưởng cung cấp thịt này. Về giết hại quá nhiều trẻ nhỏ, nên mọi người muốn giết nhà vua, vua biến thành La-sát Phi Hành, trong mười hai năm thường ăn thịt người.

Trong phần răn bảo, trước là nói lỗi nặng như ở trước đã nêu. Sau, từ cố trở xuống là nói nghiệp sâu nặng, đồng như hàng thịt giết hại.

Trong phần dẫn Tiểu thừa, khoa đầu là một chúng giết hại nhưng chế bầy chúng là vì đồng thãm nhuần giới của Phật chế, ý phải thông suốt.

Luật kia nói được ăn ba món tịnh nhục nghĩa là không thấy, không nghe, không nghi vì ta mà cố giết. Đây là biết tuy nói rằng được ăn nhưng ngược lại đồng như là cấm dứt.

Sau dẫn luật Tử Phần, ý kia càng rõ.

Khoa kế, trước nói học giới, nói là phần nhiều không ăn là chỉ các vị Tổ Sư được vâng giữ ở đời mà thôi. Như ngày nay người học giới mà ăn thịt, uống rượu còn là hạnh nhỏ, lại còn làm các việc thô ác thật không thể nói hết được.

Ở Trung quốc, người học Đại Thừa đều nương theo kinh Phạm Võng, Kinh Lăng già, kinh Niết-bàn, v.v... mà chế. Đã tu đại hạnh từ bi cứu giúp làm đầu, Đại thừa đâu có làm việc giết hại.

Đời Hoàng Đường, Trung Hoa và Tây Trúc giao thông, hoặc Phạm chúng từ Đông độ đến, hoặc Tăng ở Tây Vực đây, phong hóa ở xứ kia có thể truyền miệng. Vả lại, như xứ này bầm thọt bậc Đại Cao tăng, còn thân không mặc lụa là, gắm vóc, chân không mang giày da, những vị cay nồng sữa mật không dính vào miệng, bọ chết, muỗi mòng theo cắn hút vị đó. Học Đại hạnh như vậy há không phải là lớn sao!

Hữu trở xuống là khiến trách thực hành như vậy mà không biết hổ thẹn.

Giải nghĩa là chấp trước không nghi ngờ.

Không thuộc hai giáo: do đại tiểu đều cấm, ngược lại không y theo đó thực hành, giáo pháp không vâng làm thì không phải là đệ tử Phật, không có tâm từ mà hiếu sát, đáng xếp vào hành động của kẻ giết mổ. Thiên ma báo thặng, tịnh nhân khắc phục. Ngoại đạo khổ hạnh, san phong tự đối. Vì thế phải biết ăn thịt, Tỳ-kheo không sánh bằng thiên ma, ngoại đạo. Tướng sử Diêm-la, tin đây đồng loại. Nói đủ là Diêm-ma-la, Hán dịch là Song Vương, vì khổ vui đều thọ.

Lại nói: Người anh thì trị người nam, em gái thì trị việc của người nữ, nên nói là Song Vương. Tướng Sử nghĩa là loại Dạ-xoa quỷ tốt.

Ba là luật Tứ Phần, trước nói chế đoạn. Vì ngã đãi tế cả hai đều bất tịnh. Nay trở xuống là hiển bày ý, Tỳ trở xuống là chỉ cho đồng.

Kế nói khai thực (Khai cho ăn). Trước nói cho ăn thịt, phải thực hành mười điều lành, đâu có người nào thực hành mười điều lành mà ăn thịt, vì thế, nói là do đâu mà được ăn thịt, v.v...

Ăn thịt chim bị chết, phần nhiều cũng nói phạm tội Đột-cát-la.

Trong phần cấm chung, nói rượu thịt và năm thứ rau cay, văn thiếu hưng cừ, hoặc gọi là A-ngụy, hoặc nói là có cây hưng cừ rễ như củ cải. Toán âm toán, tức củ tỏi, củu âm củu, tức cây hẹ, củ kiệu đều là thức ăn mặn.

Kinh Phạm Võng chép: Trong tất cả thức ăn nếu có những thứ này thì không được ăn.

Kinh Lăng-nghiêm chép: ăn chín thì khởi tâm dâm, ăn sống thì thêm tâm tức giận. Như vậy, trong thế gian, người ăn năm thứ rau cay đâu có thể giảng nói mười hai bộ kinh nhưng vẫn bị các vị Thiên tiên trong mười phương chê bai là dơ uế, thấy đều xa lánh, các quỷ thần vì người kia ăn năm thứ rau cay nồng nên thường đến liếm môi người đó, môi mép thường cho quỷ ở. Phước đức ngày càng tiêu, không có lợi ích, v.v...

Trong phần nêu lên sự việc. Luận Ngũ Hương Đẳng nói Khổng Tử khi cúng tế không uống rượu, không ăn thịt. Làm Tăng sĩ mà ăn những thứ này, tham ăn no bụng, tâm không lìa sáu đường. Vì thế nói là sở hoài có thể thấy.

Trong phần dẫn chứng khiến trách. Đầu tiên là nêu bày, nay trở xuống là khiến trách sai.

Hai đồ tức trước nói tham tốt bỏ xấu, tình của phàm phu cho nên

có thể biết.

Trong phần nói nước trái cây ép Phi thời, luật Tăng-kỳ chép: Đậu, v.v... đầu không bị nứt ra, nếu nứt ra là nước trái cây ép đúng thời, nước trái cây ép phi thời không được uống.

Có mười bốn món:

- 1- Nước trái Am-la.
- 2- Câu-lê.
- 3- An Thạch Lựu.
- 4- Diên-đá-lê.
- 5- Bồ đào.
- 6- Ba-lâu-sa.
- 7- Kiền-kiền.
- 8- Ba Tiêu.
- 9- Kế-ca-đề.
- 10- Kiếp-phả-la.
- 11- Bà-lung-cừ.
- 12- Mía.
- 13- Ha-lê-đà.
- 14- Khư-ba-lợi.

(Trên đây đều nêu tiếng Phạm, chưa thấy phiên dịch ra, đây là tên trái cây.)

Cần phải thủy tịnh để hoại vị ngon.

Khoa kế, đầu tiên là dẫn văn. Hỏa tịnh hoại chủng, thủy tịnh hoại mùi vị.

Y theo dưới đây là nêu chung.

Ba là luật Thiện Kiến chú thích Liên Hoa Căn tức nước ngó sen. Trong lá trừ rau cỏ, trong quả trừ móng tay v.v... đều là Thời tương. Cây Dừa được xếp vào quả cỏ (trái cây và cỏ), tức là loại bản hiện nay.

Xưa nói rằng: Nam Hải Thọ sinh: đây chính là cây quả không phân bột trừ ra.

Luận Tỳ-ni Mẫu nói phá thủ chấp lá toái, lưỡng là mùi vị. Người phương Bắc gọi tửu vị là lưỡng. Luận Minh Liễu nói gạo, thuốc, chất gây men hợp nêu là Thời tương. Nhưng gọi phi thời là lấy ý nghĩa trong mát vì không có mùi vị rượu.

Luật Tứ Phần nói vị Tiên vô dục nghĩa là không có ham muốn nhiều. Lê được xếp vào tám thứ tương. Văn lược hai món là nước trái Diêm-phù và nước trái Bà-Lâu-Sư.

Nhụy-nho-giai-phản, quả ấy mùi vị ngọt, ở phương Bắc, nước quả

này làm say, say thì đồng như rượu mà phán.

Trong phần nói về nước lóng trong, Già luận nói màu sắc của nước là tương khác nhau.

Trong phần nói về thuốc bảy ngày, khoa đầu tiên bỏ bớt chữ Đương. Vì lợi ích nên phải ăn, vì trừ bệnh nên phải dùng thuốc. Phân biệt với ba thứ thuốc khác đều chuyên dùng. Như ăn uống, v.v... là nói kia phải ăn vậy. Không khiến cho thô là răn dạy chớ tham nhiều. Già luận nói Tương đường, thời nay gọi là nước trái cây ép.

Chưa bỏ tự tánh nghĩa là chưa chuyển biến.

Luật Tăng-kỳ thêm chất mỡ thì thành sáu thứ, gồm tương đường ở trên là bảy món.

Hùng âm là hùng (con gấu), giống như con heo. Bi âm bi giống con gấu nhưng cổ dài chân cao là khác.

Khoa kế, hai câu đầu là hiển bày thể. Vô thời thực, hơi lìa phần thịt. Hai câu kế nêu pháp. Có trở xuống là nói công. Ba đại đều có một trăm lẻ một bệnh. Tạp bệnh tức Đẳng phần cũng có một trăm lẻ một bệnh, hợp số rất dễ biết.

Trong phần ba nói gạo là thời được, kia vì Na-luật nghi ngờ hỏi Phật nên vì đó mà phán quyết. Như hợp được v.v... là y theo loại thuốc trọn đời.

Trong phần bốn riêng phân biệt Thạch mật.

Năm người được: như trong luận nói phi thời chỉ khai khi có bệnh, trong phần nói thời khác không cho ăn tiếp.

Trong phần năm, luật Tăng-kỳ, đầu tiên nói xoay vần thọ thêm, động giống như chuyển. Nếu dư nghĩa là giống.

Có dư: trong chú giải, các vị Sư xưa cho rằng bảy ngày, không khai cho thọ lại. Y theo trên, thể thay đổi thì được thọ thêm, nên biết thể khác nhau không thọ lại, còn lại như trong môn thứ năm đã nói.

Nhược trở xuống là nói tạo thọ khác nhau. Đầu tiên nói tô pháp. Phải Chiên trần: vì sợ xen lẫn với thời thực. Ghi nhớ pháp: vì sợ quên, nên khuyên cho nhớ mà biết.

Nếu được sắp xuống là nói pháp đầu. Như pháp tô mà nói tức đồng trần tịnh thêm lời ký, v.v... Được hạt ma (Du ma) rất dễ biết.

Ba là Nhược Hùng trở xuống là nói pháp chỉ, cũng như lượt trị ở trước, hoặc trước thọ thêm, hoặc có duyên ghi nhớ, nên đều chỉ như trên.

Được mía v.v... chung cho phi thời, trái cây bảy ngày hạn cuộc phi thời. Luật Thiện Kiến nói tám ngày phạm nghĩa là đây nói ghi nhớ tức

nhập vào hạn hạn pháp. Toàn là nấu.

Hỏi: Trước nói ghi nhớ và sau thành thuốc dùng có thọ thêm chăng?

Đáp: Trước chỉ nhớ nghĩ không nói thuốc bệnh, trong từ thiếu rộng, lý phải thọ thêm.

Hỏi: Nếu như vậy thì trung gian thuốc thành là được bao nhiêu ngày?

Đáp: Theo luật Thiện kiến trên, có thể tự rõ.

Già luận tác pháp nói thì thọ trì chung và ghi nhớ, cả hai đều không thành.

Trong phần nói thâm răn dè, đều nói mùi vị quá nặng. Kinh luận phần nhiều nêu làm thí dụ. Lại đây người thường đều biết vì thế nói là phạm Thánh thường nói.

Kiểm trở xuống là nói tổn thương lòng từ hại mạng.

Sức mạnh cướp lấy nghĩa là do lấy thời dùng khói lửa đốt đoạt phần ăn của kia, đây nào có khác với giặc cướp ở đời?

Sách Tăng Truyện chép: Pháp sư Tuệ Viễn bị bệnh sáu ngày rất nguy cấp. Các bậc Đại đức lão đánh nên lễ thỉnh Ngài uống Cổ tửu, ngài không chịu uống. Lại thỉnh uống nước gạo đặc, Ngài từ chối. Lại thỉnh uống mật hòa với nước làm tương. Bèn khiến Luật sư giữ kinh tìm vẩn thì thấy được uống. Do không giữ kinh, chưa được phân nửa thì qua đời.

Than ôi! Bực vãng triết chân đại pháp Sư. Tự mình dốt nào đủ tính toán. Vả lại, các bậc Tổ sư của ta và Thiền sư Kinh Khê đều do lòng thương xót sâu nặng, trọn đời không ăn, há chẳng phải là hiểu pháp Đại thừa, tu hạnh Đại thừa hay sao? Vì thế, Chương Phục Nghi nói rằng: nhốt con bò lấy sữa, bắt ong lấy mật, so sánh những người này càng gấp bội muôn lần hơn người giết mổ, săn bắn. Xét kỹ lại lời này, thật phải rất cẩn thận.

Cố trở xuống là dẫn chứng kia do có con khỉ thấy trong cây không có Ong mà có mật chín bèn lấy bình bát Đức Phật đựng đầy mật dâng cúng Phật. Sau sinh lên cõi trời Đạo-lợi, xuất gia chứng quả A-la-hán. Đây là nói không có Ong nên Phật mới nhận. Ngược lại, biết có Ong mà thọ nhận thì lỗi kia càng nặng.

Trong thể thuốc trọn đời, luật Tăng-kỳ nói Ha-lê-lặc, thời nay gọi là Ha tử.

Đốn thọ nghĩa là nhiều thuốc được trong một thời gia thọ.

Luật Tứ Phần, câu trên nêu một, dưới là giải thích. Do thể thuốc

này rườm rà không thể nêu riêng, chỉ y cứ sáu vị, không tự do dùng làm thức ăn, không đâu không có khả năng kham nhậm.

Luật Thiện Kiến, đầu tiên là y cứ về nghĩa để định thể. Hựu trở xuống là đối thời chọn biên. Đầu tiên nói xen lẫn. Dẫn trở xuống là phán định.

Khoa kế, đầu nêu bảy ngày.

Nói “Tùy bệnh mà lượng” nghĩa là do bệnh bảy ngày một lần chuyển.

Lại không đối: không cho là tô, mật được dùng cho đỡ đói. Song tuy khai cho bệnh nhưng phải đối.

Trong luận có chữ đẳng nên nêu đầu, mật đồng loại. Kế nói trọn đời là ý của khoa chánh. Trước dẫn bảy ngày đối hiển khác nhau.

Khách bệnh tức sau nói đối khát, tức là chủ bệnh. Trong phần ba, luật Thập Tụng nói được uống rượu đắng. Luận Tỳ-ni Mầu thì chế đoạn có rượu lưỡng, vì thế theo Thời tương đây không có hơi rượu, khởi phi thời uống, nhưng ở đây nói chưa rõ ý gì.

Trong phần kết khiển trách, đầu tiên chỉ chỗ đã dẫn ở trước.

Tùy sự sự tức là vật đồng.

Tông này: Tông này có bất đồng cho nên thì không dẫn. Nay trở xuống khiển trách phi pháp ở đời. Đầu tiên nêu phi nói chẳng mặn, đắng vướng mắc trong miệng hiển đây là ngon ngọt lợi khẩu mà thôi.

Cách hợp là cách ngại.

Tịnh trở xuống là chánh khiển trách. Câu đầu là mặc ý, câu kế nói ỷ lạm. Kia cho rằng thuốc thang phi thời khai cho.

Bất trở xuống là nêu so sánh món ăn không có mùi vị khác. Không đến nổi tham ăn nên nêu tính chất đó.

Dẫn trở xuống là hiển bày lỗi, khiến người khác chê bai phạm, noi theo không dứt cho nên nói là nhiều đời. Phá hoại người khác như vậy, tự mình bị tổn hại, có thể biết. Thời nay phần nhiều làm Hoàn Phục linh, hình dáng như nắm tay. Củ mài nấu nước đặc như cháo, phi thời ăn, vọng cho là trì trai. Dùng sự xét tâm, dùng nhân quán quả. Phải biết đây là nuốt hoàn sắt nóng, uống nước đồng sôi, tạm thời vừa với sở thích mà nhiều kiếp khó nhần. Người có trí phải suy nghĩ đó, đâu nên tham lam buông lung.

Trong phần nêu sáu vị, hai chữ thứ có thể bỏ bớt một chữ.

Kinh Niết-bàn nói có sáu vị:

1- Đắng.

2- Chua.

- 3- Ngọt.
- 4- Cay.
- 5- Mặn.
- 6- Lạt.

Trong phần nói về thời lượng, đầu mỗi mùi vị phân biệt riêng. Trong sáu vị thiếu hai vị mặn lạt. Trong vị ngọt cam thảo là thuốc trọn đời. Mật, v.v... là thuốc bảy ngày. Trong vị chua thì nước trái cây là phi thời. Trong vị cay là thuốc trọn đời. Trong vị đắng không xếp vào thời thực nên chỉ ở vào trọn đời.

Kế, đối thuốc bảy ngày phân biệt chung. Do thuốc bảy ngày thể riêng đồng, ở đây có thể ăn. Vì thế, ngoài ra có tất cả gọi là Thời.

Tùng trở xuống nêu nghĩa thời. Nếu nói về thời và trọn đời đầu chung sáu vị. Nhưng Thời được có cả vị đắng và cay, thuốc trọn đời một ít thuộc.

Phi thời phần nhiều là ngọt và chua, bảy ngày chỉ có vị ngọt, như vậy mà tìm.

Canh lượng: trong ngày thọ thuốc, do dùng năm canh làm hạn lượng. Ngày đêm đều năm thời: bất luận dài ngắn chỉ chia một ngày thành năm thời. Đối năm canh của đêm không thể định ước các giờ dần mẹo, v.v... Do năm canh trong tâm cũng không giới hạn giờ này. Theo luật Tăng-kỳ thì suốt đêm là ba mươi tu du. Tức ba tu du là một thời. Hơn nữa, nói theo tướng thì đến canh hai là hết canh một, đến canh hai thọ pháp liền dứt. Như vậy, xoay vần nghĩa là giờ thứ hai thọ, tức hết canh hai đến canh ba thì dứt. Nếu theo luật Tứ Phần chỉ hết phi thời, nay phải y theo luật.

Thử trở xuống là lựa xen lẫn. Thanh phạn tương tức nay là nước tương. Đại khai là trông mong không chế thọ, cho nên được gọi tên như vậy. Tứ Phần trở xuống là hội khác. Trong phần nói về chuyển biến, khoa đầu nói rượu đắng được uống là y theo trước nói không có hơi rượu và vị rượu.

Trong phần hai, y theo bốn vật, còn lại có thể y cứ theo loại, cũng có cả hai chuyển. Đây là biết một vật hoặc chung bốn loại thuốc. Hoặc ba, hoặc hai, chuyển biến không nhất định, tùy đó mà nói.

Trong phần nói về tướng hòa, nói khác nhau, có ba:

1- Nói thuốc bảy ngày. Trước là lập nghĩa, do trở xuống là giải thích lý do. Như trở xuống là nêu sự.

2- Từ nhược dĩ trở xuống là nói thuốc trọn đời, là tên khác của tận hình được. Đầu tiên là lập nghĩa. Như trở xuống là nêu tướng. Tô (tên

loại rượu tô) là thuốc bảy ngày, sữa là thời dưng, đậu mạch tức là dùng đậu, mạch bỏ chất độc.

3- Từ nhược dĩ trở xuống là nói thời dưng, có thể biết. Khoa kế chỉ y cứ theo thuốc trọn đời mà nói, đầu tiên là lập nghĩa. Phần thuốc khác tức chung cho bốn thứ thuốc. Như trở xuống là hiển bày tướng. Kế là nói tịnh lạc, trong phần chế ý, trước gồm nêu căn khí khác nhau. Nhược trở xuống là nói riêng về lập giáo có khác. Đầu tiên nêu thượng căn, từ đó chế. Phân vệ là khát thực. Âm nghĩa trong kinh nói: chánh nói là trà-ba-đa, Hán dịch là Đoàn đọa. Nói đi khát thực trong bát, kế nêu trung căn, hạ căn phải khai. Nói tình đồng nghĩa là tâm tuy kính mến nhưng năng lực thì không kịp.

Do đói mà chết: trong pháp đưng chếp: bấy giờ, có một Tỳ-kheo bị bệnh thổ tả, sai người đến thành Xá vệ nấu cháo. Lúc ấy, có nhân duyên cửa thành mở trễ, nấu cháo không kịp, vị Tỳ-kheo bị bệnh đó chết. Các Tỳ-kheo khác bạch lên Đức Phật. Đức Phật dạy rằng cho phép ở trong Tăng-già-lam kiết tịnh địa.

Trong phần giải thích trên, đầu tiên là chánh giải thích.

Nhược trở xuống là hiển bày ngược lại. Theo Nghiệp Sở có đủ bốn nghĩa, vì thế mới gọi là Tịnh.

1- Thêm lớn lòng tham, kiêu mạn gọi là Ô tịnh tâm.

2- Thế tục bên ngoài chê bai gọi là Ô tịnh tín.

3- Ban đêm nấu sinh tội gọi là Ô tịnh giới.

4- Đời sau chịu quả báo khổ là Ô tịnh quả.

Thử trở xuống là ngăn xen lẫn.

Nói từ duyên nghĩa là như trên đã nói, vì chỉ lấy lỗi là.

Phi đối uế nghĩa là ở đời có nhiều người ngu si cho rằng không kết địa uế.

Trong phần nêu số, nêu số chung bốn món. Tác pháp hạn cuộc hai món sau.

Trong phần nói không có chung quanh, luật Tứ Phần trước y cứ hàng rào và vật chướng hai hợp để nói ba tướng.

Chướng là bảng, tường, v.v...

Một nửa là: hai phía có vật ngăn (chướng).

Nhiều không: một phía có.

Đều không như văn giải thích

Phi trở xuống là nêu khai ý.

Trù lập riêng: nghĩa là chùa tuy có bốn phía chung quanh nhưng nhà bếp chỉ có sân.

Tường vách trở xuống chỉ lược tướng khác. Gần sáu món trên đều có ba tướng.

Sớ chép: y cứ văn phụ sự thì là mười tám xứ trong chú giải ngăn sự nghi ngờ, sợ cho rằng bốn phía đều có tướng có thể làm chung quanh, còn các vật khác xen lẫn thì cho là không gọi là chung quanh (chu vi), vì thế hoặc được làm đồng nhau.

Đàn Việt tịnh có ba thứ:

1- Thức ăn là vật của người, xứ là của mình, tức thí chủ gửi thức ăn trong giới của tăng, tùy cúng cho Tăng. Thực cụ tức vật dùng làm thức ăn.

2- Xứ này là vật của người, thực cụ mình có, như văn tự rõ.

3- Điều là tức nay nhà thế tục lập hội cúng dường chúng tăng.

Trong phần kết khiển trách. Đầu tiên là kết thúc nêu bày. Nay trở xuống là khiển trách sai.

Sớ chép: Nếu Đạo tự (chùa) là do thế tục xây dựng thì gọi là Tha tịnh, tất cả tăng phòng đều không phải Đạo có. Trong đó trộm và tổn hoại, hưởng về thế tục mà suy ra, cho đến Phật pháp đều không có phước. Tài vật không có chủ, tùy thí thành chủ. Vì sao? Vì vẫn như cũ là Đàn Việt tịnh.

Thập trở xuống là dẫn chứng. Đầu tiên dẫn luật Thập Tụng chứng minh thuộc về chủ là thành tịnh.

Tỳ-kheo thượng tràng: nghĩa là giới tràng ở trong giới của tăng, tích trữ lúa gạo trong đó.

Kế dẫn luật Tăng-kỳ chứng thuộc về tăng không thành tịnh. Xem Thánh lượng đầy đủ nói lên phi pháp.

Trong phần nói về xứ Phần, luật Tứ Phần, Ngũ Phần rất dễ hiểu. Luật Tăng-kỳ, chú giải hiển rõ bộ khác khiến y theo bốn bộ.

Sớ chép: Do ban đầu thành nên chưa hề trải qua đêm. Ứng kết chưa nhiều, tùy người và xứ mà phân chia.

Luật Thiệt Kiến, câu đầu là hỏi. Sơ trở xuống là nêu pháp, trước nói chưa thành. Dư: cũng như vậy nghĩa là trụ cột khác, mỗi mỗi ba thuyết, sau nói đã thành.

Trong phần nói: Bạch nhị tịnh phải kết làm hai.

1- Chánh nói. Già-lam: phân biệt xứ không phải vật của người.

Chung quanh sân: phân biệt không phải chu vi.

Bất luận xa gần là phân biệt xứ phân.

Trừ Tỳ-kheo là kết rồi không cho tăng ở.

2- Từ Tỳ-ni trở xuống là dẫn chứng, y theo đó sẽ biết không có

tịnh địa thì xứ không được nhập thức ăn.

Văn đầu trong phần kết pháp. Sở chép: do Đạo nương sự thanh tịnh tu hành, việc ăn uống rất phiền phức. Bậc khí tiết ở đời còn xa lìa việc nấu nướng, hướng người xuất gia mà ngu muội, tầm thường, thật không thể được.

Chế ở nơi xa xôi hẻo lánh, lại ở nơi vắng vẻ yên tịnh, ý có thể biết. Trong văn chỉ nói là già-lam, sợ cho rằng thông với giới tự nhiên nên chú giải phân biệt.

Luật Ngũ Phần, trước là nêu chung hai cách khai. Từ nhược trở xuống nêu pháp riêng chung. Trong lời chú giải nói chỗ đã trừ. Ý cứ trở xuống là nói rõ tướng chung. Minh trở xuống là nêu giữ gìn đêm. Xá trở xuống tức các chỗ Tăng ở. Hựu trở xuống là phân biệt nêu phi pháp.

Kia chép: Trên bàn ghế, trên nhà tầng mà tác tịnh thì phạm tội Đột-cát-la. Thời nay thực hành kết chung, không biết do đó mặc ý quyết đoán. Chỉ vì trong lời sao nêu duyên tướng không đầy đủ, pháp thực hành đến nổi trái lầm. Nhưng trong luật Ngũ Phần Bạch và Yết-ma đều bốn câu thành pháp, chỉ trong câu thứ ba chép đủ trong duyên bốn, đều không có câu thứ tư. Ý của Tổ Sư là muốn y theo luật Tứ Phần. Câu năm là khuôn phép cho nên chỉ nêu câu duyên, còn lại đều lược. Làm sao để biết như vậy? Xin tìm xem “Tăng cương diệt tẩn Yết-ma”, đủ để làm y cứ. Sợ ở đời vọng thực hành nên phải nêu đầy đủ.

Bạch rằng: Đại Đức tăng xin lắng nghe, Trụ xứ này cùng ở, cùng Bồ-tát. Nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng cho tăng nay kết tịnh địa, trừ chỗ... tác bạch như vậy.

Yết-ma rằng: Đại Đức Tăng xin lắng nghe, Trụ xứ này cùng ở, cùng Bồ-tát, tăng nay kết tịnh địa trừ chỗ... Các Trưởng lão nào bằng lòng ở trụ xứ này cùng ở, cùng Bồ-tát kết tịnh địa trừ chỗ... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng ở trụ xứ này cùng Bồ-tát kết tịnh địa, trừ chỗ... rồi, nên tăng im lặng, việc này cứ y như vậy mà làm. Cùng ở, cùng Bồ-tát tức luật Tứ Phần, cả hai giống, chỉ có lời ít hơn là khác mà thôi. Văn kia lại có thêm câu: “Cùng được cúng dường”.

Kết riêng thì tướng hạn cuộc xứ nên không chép cả hai đồng. Kết chung thì kết khắp gồm giới, riêng trừ, trước phải chép tức là tịnh pháp chỗ nương theo trước đây. Nay người muốn bỏ bớt.

- 1- Công trái với văn lời sao.
- 2- Xen lộn nơi biệt pháp.
- 3- Không hiểu nghĩa thông kết.

Hỏi: Kia dẫn Nghiệp Sở chép: Tịnh địa đầu tiên kết nhiếp thức ăn, chướng người vì thế không xứng bốn trụ. Lại nếu xứng thì sợ thành tướng, có thể khắp trong đó có đê, chẳng bằng không kết, há chẳng phải nói y cứ hay sao?

Đáp: Lời sở vì Tăng và y hai giới đều lập hai đồng, tịnh địa không lập cho nên làm chung. Bởi nói pháp kết riêng của luật Tứ Phần. Nay thì kết chung xuất xứ từ luật Ngũ Phần. Được dùng giải thích văn kết riêng của bốn tông mà làm ngại cho pháp kết chung của luật Ngũ Phần. Đây là điều sai lầm thứ nhất.

Lại Sa-di, Tắc sư nhóm họp ở đây Yết-ma há không biết có những lỗi ngữ, nấu v.v... Nào đợi bọn ông mới sửa đổi lại. Đây là điều sai lầm thứ hai.

Lại ở trên nói hai đồng chánh là kết chung, dưới tự phân biệt, đâu có lỗi khắp trong giới ngữ, nấu v.v... Đây là điều sai lầm thứ ba.

Than ôi! Kẻ ngu si khờ khạo khó nêu bày thí dụ, đến lúc bình bạch Yết-ma định phán không thành. Tự mình bị liên lụy, liên lụy đến người, Phật pháp diệt là do đây.

Luật chép: Pháp tác bạch không đúng, tác bạch không đúng pháp Yết-ma. Tác pháp Yết-ma như vậy sẽ làm cho chánh pháp mau diệt.

Lại nói: Tỳ-kheo như vậy, nhiều người không có ích lợi, rơi vào địa ngục nhanh như tên bắn, há không sợ ư?

Luật Tăng-kỳ nói nhất phú tức nhà thông ở trên, phú trở xuống là riêng cách đoạn.

Thông cách là bốn phía chung quanh đều có nhà che riêng. Hai câu còn lại y theo đó mà biết.

Một, hai, ba bên ước chỗ liên tiếp.

Cách hai bên đường là y cứ chỗ cách nhau.

Trung gian bất tịnh tức là đại giới.

Trong phần nói về dận dò. Yết-ma nói chỉ là khiến cho riêng khác. Lập tướng riêng là nêu giới hạn. Trong lời chú giải chỉ luật như trong thiên Chủ Khách đã dẫn.

Trong phần chánh thức phân biệt. Đầu tiên là nói tác pháp có không. Hai cách trước là không pháp, tự tha phân chia. Hai cách sau phải có pháp, Tăng biệt có khác. Huyền chỉ kết nghĩa là tăng ở trong đại giới, từ xa gia pháp.

Sở trở xuống là nêu xa kết do đó dẫn giải thích xưa. Câu trên nghĩa là đem thức ăn trong giới hướng về tăng để luận bàn, là nhiếp thức ăn, là chướng tăng (Câu này chính là giải thích câu sau so sánh hiển

bày rõ). Câu dưới nghĩa là ở trong giới của tăng hướng về tăng để bàn luận.

“Chẳng nhiếp thức ăn chẳng chướng Tăng” phải có tác pháp. Nhóm họp một chỗ không được riêng chúng. Tức Nghiệp Sở chép: Người và thức ăn đồng xứ khi gia kết trong tướng không tiện.

Lại có cách giải thích rằng: nếu đồng tịnh địa lại có khổ gì. Pháp tự phân biệt chỗ, đâu đồng không được, v.v... Không pháp kết, khoa đầu các Sư xưa không lập tướng xướng.

Luật chép: Nên xướng tên phòng, cho nên luật khiến phải xướng, không chép tên người: Đại giới Yết-ma thì chép người xướng, nhưng không nêu tên, nay trong tịnh địa đều không chép.

Trong phần chánh tác pháp, văn tại gia y theo luật nêu ra. Lời sơ rằng: đây là văn kết tập thiếu, hoặc ngài Giác Minh tụng sót, lại có thể ngài Túc Niệm ghi sót. So sánh các pháp kết nghĩa có thiếu lời mở đầu, có thể không làm gương soi ư? Nếu muốn y theo sửa đổi phải y theo Yết-ma mà chép.

Trong phần ba, lời sơ ghi xuất ngoại tức ngoài Tịnh địa. Nói trong Đại giới là muốn cho Đại giới thanh tịnh nên ngăn ngừa sự chệch bại của thế gian. Luật kia vì người thế tục quở trách rằng: tăng ở không khác người thế tục vì thế chế không được. Phiên âm phiên, Đào là nước gạo.

Trong phần giải thích nói có duyên, hoặc muốn chuyển đổi thêm vào cho nên trước phải giải thích.

Trong phần so sánh lựa chọn, khoa đầu, trước nói hai tịnh, đồng xứ không lỗi. Nhược trở xuống là nói hai tịnh sau nhiếp giới hạn của xứ.

Xem xét: như biết sự việc lo liệu.

Phiên thực khí: Nghĩa là có thức ăn cũng phải đổi.

Khoa kế, luật Tăng-kỳ nói lỗi.

Đầu hôm: là nói lên xứ cũ.

Trụ xứ phá nghĩa là tăng phòng bị phá hoại bỏ hoang. Quốc loạn vua chưa lập nghĩa là chưa chia sở thuộc. Trụ xứ tức tăng xá, xóm làng là chỗ nương của tăng xá, bỏ phế hai năm bỏ hoang sau thanh tịnh lại đồng xứ mới. Kia có bốn câu: hai câu lẫn nhau đều sai, câu thứ ba đều không được làm nên nói là đều bỏ phế. Nếu không ở xóm làng chỉ y cứ trong trụ xứ.

Trong phần hỏi, trước nói rằng: hai tịnh chung với tăng ở trong đó xem xét, vì thế dùng đây để làm chứng cứ. Muốn nêu rõ ngữ và nấu kết

phạm có khác.

Trong phần đáp: nếu y cứ theo đại giới mà nấu, bất luận người có hay không. Ngủ chỉ tùy người vật cùng xứ, bất luận giới là tăng thực.

Thứ ba trong phần nói hộ tịnh phiên dịch, văn đầu có ba:

1- Nêu ích lợi. Một phương biệt trụ nghĩa là chỗ chúng đồng. Duy trì Phật pháp tức là người mở mang Phật pháp, chung cho tăng hộ là chỗ nào cũng có thể ăn. Thuận theo Phật hoài là vì không trái lời dạy của Phật.

2- Từ kim trở xuống là khiển trách sai.

Trước là khiển trách tham ăn trái với oai nghi, dụ như không thể được. Chỗ hổ thẹn của thế tục ý nói quân tử trong Đạo Nho còn lia bỏ sự nấu nướng, vì thế nêu ra để ví dụ.

3- Từ thoát trở xuống là khiển trách ỷ lạm khai giáo. Nhân nhiễm ô: nghĩa là tức xúc. Nếu duyên không nghĩa là thời phong. Sơ giống như chữ đô. Tâm đây tức tâm xúc tức, vọng tâm không y cứ vì khuôn phép giáo pháp, tức Phật cái gọi là phải vì tâm Sư, mà không phải tâm sư, kia không tin vì thế phần nhiều tự nhậm.

Dục trở xuống là sinh khởi. Phản uest là hợp nhiễm ô dùng pháp sửa đổi khiến cho thanh tịnh.

Trong phần duyên tịnh nói tự để nước, v.v...

Tức trở xuống là luật Tăng-kỳ khai ác xúc tự nấu. Các đồ vật của tăng khai xúc tức (khai cho ban đêm va chạm vào các đồ vật).

Trong phần nói về thể bất tịnh, tức dẫn luận Tát-bà-đa nói dùng uest tài (tài lợi dơ uest) tạo tượng Phật, người trì giới không được lễ, cúng dường tăng không được thọ, ăn cũng phạm tội Ba-dật-đề đến chết mới tịnh. Nói tâm ác là như tùy tướng dẫn. Người thu phiền thường nguyện cần kiệm đường vua cách bít.

Thượng trở xuống là gồm nêu. Chánh kinh tức các luận luật. Một và hai không cần phiên dịch, là ba không thể phiên dịch.

Trong phần nói về duyên bất tịnh, nói tu-du là chỉ lấy thời gian ít.

Pháo âm giáo, chánh là cái bào, là cái dao để bào cây. Luật Thập Tụng nói dư bất tận, nghĩa là đồ dùng để rửa, giặt. Bất tịnh ô nhiễm đối với vật nên khiến cho thay đổi.

Nghiệp Sở chép: tùy dùng chút ít, hứa khả trong sáu chúng lần lựa rộng lớn (theo đây không cần đổi hết). Hoặc có thể y theo chuyển đổi khiến cho đổi các vật dơ uest. Luật Thiện Kiến trước nói đổi thức ăn. Nhược trở xuống là nói đổi đồ đựng.

Lời chú giải trong Luật Tứ Phần, văn xét về phần bẫy trước nói về muỗi. Nếu là thường dùng cũng không được va chạm, chẳng thường dùng tức thể tịnh.

Trong phần hỏi, vì muốn nêu rõ ý Phật nên đặc biệt hỏi. Trong phần đáp, khoa đầu chỉ chế ban đêm va chạm đồ đựng thức ăn thì khỏi sáu lỗi.

Ba Thánh tức ba thừa. Kinh Lăng-nghiêm nói chứng Đại thừa. Kinh kia chép: Chùa viện, tinh xá khói không dứt, thường (nấu) các thức ăn. Người tu hành chân thật không nên ăn thức ăn này.

Luật Thập Tụng nói chứng Tiểu thừa, ban đầu cho kết tịnh địa rồi, ngoại đạo chê bai rằng nhà cửa, kho, nhà bếp của cư sĩ trọc đầu không khác người tại gia, do đó khiến cho ở bên ngoài phòng tăng mà làm tịnh địa.

Trong văn dẫn, kinh Hộ Tịch chép: Khi xưa, Đức Phật cùng A-nan đi hóa duyên, trên đường gặp một cái ao rộng mỗi bề đều bốn mươi dặm. Trong ao đó có loài trùng hình dáng giống như con nòng nọc. Phật bảo A-nan rằng loài trùng trong ao này chính là chúng tăng trong các thế giới ở mười phương, ăn thức ăn bất tịnh nên bị đọa vào ao phần tiểu đơ uế này, trong ao thường ăn đồ bất tịnh... Còn lại đồng như lời sao dẫn trong kinh đọa làm các loại như heo, chó, bọ hung đều phải trải qua năm trăm đời nên gọi là các. Nhân nói về người làm Tri Sự: xưa có một vị A-la-hán, một tối nọ vào nhà xí thấy một vị Tỳ-kheo rên rỉ, vị La-hán hỏi rằng: ông là người tốt vì sao bị đọa vào loài ngựa quý?

Đáp rằng: Tôi bị đói khát lâu nay, v.v... còn lại như trong lời sao.

Lại nói: Nhớ nghĩ xưa từng làm một vị Tỳ-kheo biết vật của chúng tăng mà rờ chạm thức ăn thanh tịnh của chúng tăng thành thức ăn bất tịnh, do ăn của chúng tăng nên đến nỗi phải bị tai ương như vậy. Vị La-hán nghe vậy liền chú nguyện cho nên được khỏi thân ngựa quý, trở lại làm người, v.v...

Bọ hung là loài trùng ăn phân.

Luận Đại Trí Độ nói tịnh tín đàn việt cúng dường chúng tăng để cầu phước gọi là Phước Điền thực, văn sau chỉ rộng phải xem đó.

Phẩm Tế Long trong kinh Đại Tập nói rằng: Bấy giờ, có một con rồng bị mù, cất tiếng khóc to mà nói rằng: “Đại Thánh Thế tôn! Xin cứu giúp con. Nay thân con chịu khổ não dữ dội, ngày đêm thường bị giới trùng rúc rửa cắn ăn. Ở trong nước nóng không lúc nào tạm vui”.

Đức Phật nói rằng: Trong đời quá khứ người từng làm một vị Tỳ-kheo hủy phá giới cấm, trong lòng thì khinh khi, bề ngoài thì hiện tướng

hiền lành, lam tham quyến thuộc. Đệ tử rất đông, tiếng tăm đồn khắp bốn phương xa gần, do nhân duyên này mà được cúng dường chỉ riêng mình thọ dụng, thấy người giữ giới lại nói lời thô ác làm cho họ bị xúc não. Có tâm niệm như vậy nên đời đời bị loài trùng rúc rĩa cắn ăn, có nghiệp ác như vậy nên khi chết bị đọa làm loài rồng. Lại trong vô lượng kiếp quá khứ bị đọa trong địa ngục Xích Đồng, thường bị các loài trùng cắn rĩa ăn. Cho đến hai mươi sáu ức các con rồng đói khát ở trong chúng nghe vậy đều rơi lệ khóc lóc nhớ nghĩ thân quá khứ. Tuy được xuất gia nhưng gây ra nghiệp ác vẫn bị trải qua vô lượng kiếp trôi lăn trong ba đường ác, do còn dư báo nên ở trong loài Rồng chịu đau khổ vô cùng.

Phật bảo rồng rằng: các ông hãy đem nước đến rửa chân Đức Như lai khiến cho tội của các ông lần lần tiêu trừ hết. Rồng nghe vậy, liền dùng tay múc nước, nước đều thành lửa rồi biến thành cục đá lớn ở trong tay. Như vậy, múc nước đến bảy lần cũng giống như thế. Thấy vậy, Đức Phật dạy phải lập thế nguyện thì lửa kia liền tắt. Cho đến lần thứ tám dùng tay múc nước rửa chân Đức Như lai, chí tâm sám hối. Đức Phật thọ ký đến thời Đức Phật Di-lặc sẽ được làm người xuất gia đắc đạo, cho đến chứng được túc mạng tâm.

Tự nhớ nghĩ đời quá khứ hoặc nhân duyên làm thân quyến của thế tục, hoặc nhân duyên nghe pháp vào chùa, ăn thức ăn của chúng tăng, v.v... nay chịu quả báo làm loài rồng, v.v...

Kinh Tăng Bộ chép: Tỳ-kheo Tăng Hộ ở bên bờ biển thấy các địa ngục, phần nhiều những người bị đọa vào các địa ngục này là các Tỳ-kheo thời Đức Phật Ca-diếp không tu giới hạnh, hủy hoại Tam bảo, tham dùng vật của tăng, san tham thức ăn của chúng không cung cấp cho khách tăng, vì thế phải chịu quả báo khổ. Tìm văn đọc kỹ, đủ đệ tử răn nhắc mình.

Thông trở xuống là gồm nêu ý của các văn trước sau.

Tự vật phạm nghĩa là tuy thuộc vật của mình, nhưng cũng từ người khác cúng dường. Vì thế, hề thọ dụng thì không được phi pháp. Nhân duyên trong Bộ Ngũ Bách Vấn đồng như kinh Hộ Tịnh ở trước. Trì giới còn như vậy, phá giới có thể biết.

Kế là nói hộ tịnh, hộ ác xúc. Do văn xen lẫn nhau, đại khái chia làm ba đoạn:

Trong phần nói hành thực:

- Khoa đầu, văn chú giải nói vì làm cho người khác có lợi ích mà thọ chứ không phải có tâm cho.

- Khoa thứ hai tức một người thọ rồi chung đến người khác, y cứ

theo người có giới thanh tịnh. Như phần giải thích tướng chỗ lựa xe cộ, tàu thuyền do đó mà dẫn dắt. Hoặc tàu, xe vận chuyển thức ăn, vì không có người nên khai cho.

- Khoa thứ ba, luật Tăng-kỳ đầu tiên nói tay dơ. Trong lời chú giải lại nói tay dơ cầm đồ đựng thức ăn thanh tịnh và thức ăn thanh tịnh của người thì không đâu chẳng phải là bất tịnh. Kế từ nhược trở xuống là nói thức ăn dơ. Nhược trước trở xuống là nói đồ đựng thức ăn dơ lẫn lộn.

Thập Tụng trở xuống là chú thích chung giải quyết các vấn.

Trong phần nói về các dụng cụ đựng thức ăn. Nạn sự và trời mưa vì đều là duyên tịnh.

Văn kể có ba:

1- Nói Tỳ-kheo lầm va chạm vật thanh tịnh. Nghĩa là chưa gia pháp thì không được tức nói sợ biết không lầm thì thành phạm. Không được danh tự cũng y cứ khi chưa lìa tay, đã lìa thì không hại.

Nói: lại được bảy ngày là do không thành va chạm, nếu gia thọ thì không có lỗi.

Kế, từ nhược linh trở xuống là nói tịnh nhân lầm va chạm vật bảy ngày.

Cũng như trên tức là không được danh tự.

Hỏi đáp trí địa, v.v... lời chú giải nói khẩu pháp có lỗi nghĩa phải gia thêm.

Từ nhược ngôn trở xuống là nói Tỳ-kheo lầm cầm vật thanh tịnh.

Nên trừ: là không được thả trở lại.

Trong phần nói về khí cụ, đầu tiên gồm nêu các vật, như giường, v.v... Dệt tử mĩ: hoặc là dây, hoặc là tua dây, xâu bện dày kín.

Nhược thực trở xuống là nói riêng các thứ va chạm có bốn:

1- Nói vật để ngồi.

2- Từ nhược sạn trở xuống là nói giá các, tức dụng cụ để làm nhà sàn.

3- Từ nhược tại trở xuống là nói ghe thuyền. Mười bảy loại cốc như trong phần giải thích tướng đã dẫn như cừ (một loại cỏ có hạt như hạt lúa), trừ, lô (cỏ lau), tiến (cỏ, rơm), v.v...

Sóng gió thổi vào bờ tức thành khí cho nên cao đến câu sào của thuyền.

4- Từ đại trở xuống nói về các loại xe.

- Trước nói xe lớn. Như trong thuyền: hoặc dừng không đi tức là bất tịnh. Dây buộc trâu chưa lìa gọi là tịnh.

- Kế là nói xe nhỏ. Các Tỳ-kheo thân không ở trên xe, nhưng y

cứ khi lấy vật động tức thành va chạm. Đây là do trong chú giải không y cứ vào trâu mà nói.

Nhược tại trở xuống lại nêu xe lớn so sánh phân biệt xe nhỏ.

Trong phần nói về gánh vác giữ gìn, luật Thập Tụng chép:

1- Nói chuyển tịnh, “không cộng yếu” là vì vốn vô tâm.

2- Từ sử trở xuống là nói duyên khai. Vì Sa-di sức yếu không thể thắng được.

3- Từ nhược bất trở xuống là nói phân biệt dứt trừ. Đồng luật Tăng-kỳ: trước nói được lấy chính giữa.

4- Từ phạm trở xuống là nói giúp đỡ.

5- Từ thiên trở xuống là nói tự giờ lên. Văn chú giải xem xét vật tịnh ở trước.

Luật Tứ Phần chép:

1- Nói tự cầm nắm.

2- Từ nhược trở xuống là khai hồi thí.

3- Từ nhược bát trở xuống là nói rửa bát.

4- Từ nhược nhập trở xuống là nói mượn bát.

Luật Thiện Kiến nói do có hơi nên phải rửa cho sạch, hư là hơi.

Luật Ngũ Phần chép:

- Một là duyên tịnh.

- Hai là Từ nhược trở xuống là nói phân biệt dứt trừ.

Luật Tứ Phần nói tâm ác không thành xúc. Đây là do trước bất tịnh nên phải dứt trừ.

Luật Tứ Phần nói hạt giống tuy xúc chạm sinh rau cỏ, thể chuyển đổi, trồng cũng vậy.

Kế, từ nhược trở xuống là khai cho giúp đỡ, đồng như luật Thập Tụng nói ở trên. Phần là sườn núi.

Luật Thập Tụng nói phụ nghĩa là ôm trong lòng, tự va chạm.

Kiệt là nêu chế lỗi. Thuốc có lỗi tức phạm lỗi ban đêm và chạm thuốc, nhưng vì bệnh nên khai cho. (có chỗ nói năm thứ rau cay là sai).

Tỳ-nại-da trở xuống là chú giải quyết định chỗ khai, nghĩa là không được tự chữa để.

Trong phần nói tự nấu, khoa đầu nói khai: là không phải tự ăn, vì thế trong phần chú giải dẫn việc Sa-di đảm trách việc thức ăn ở trước để nêu lên giải quyết.

Khoa kế, Một là pháp nấu thức ăn. Được rửa đồ dùng, v.v... vì thể tịnh. Khiến cho tịnh nhân nấu vì không biến sinh. Tu hoành mộc: nghĩa là tiêu biểu thân thọ. Thọ rồi tự nấu vì giống như thức ăn hâm nóng.

Cho người bệnh: vì chung với người khác.

Cũng được tự ăn vì không có lỗi.

Hai là nói nấu rau (thức ăn).

Ba là chế gừng, nước nóng.

Bốn là khai thức ăn hâm nóng.

Năm là khai chỉ giáo.

Trữ nghĩa là dùng đũa khuấy động.

Trong phần nói về trong đêm, hai luật nói không phạm, đều là ý sai, vì thế luật này lại khai.

Không biết không phạm, như trong phần thông và bít đã dẫn.

Trong phần nấu ở trong, khai vì người khác tức là tịnh nhân. Có thứ khác khai cho ăn, sự đồng như tự nấu.

Hai môn thông và bít đều ước: có tội là thông, không có là bít.

Môn đầu nói thời được chỉ thông, vẫn nêu ban đêm nấu (ngủ và nấu) đủ có bốn lỗi. Ba loại thuốc còn lại đều y cứ theo giới hạn gọi là hạn cuộc, quá hạn gọi là thông. Lại trong phần nói về giới hạn của thuốc bảy ngày, phi thời chỉ khai ác xúc. Thuốc trọn đời mới khai ba tội, cho nên thông và bít rất dễ thấy. Thuốc bảy ngày chỉ ở sau, tức trong phần sinh tội. Trong phần nói về thuốc trọn đời, đầu tiên là nêu chỗ sai. Tăng trở xuống là phán quyết sự sai trái lẫn nhau ở trước. Gừng là thuốc trọn đời, không khai tự nấu, vì thế vẫn chú giải phá xưa.

Sớ chép: các Sư xưa nói rằng thuốc bảy ngày gia pháp khai trong đó ngủ và nấu, ở đây không có vấn. Thuốc Phi thời cũng vậy. Riêng thuốc dùng trọn đời luật khai ba tội, vì thế của là chỉ. Xúc chạm chung ba thứ thuốc nên không nói. Sau dẫn hai luật khiến trách xưa đã chấp.

Luật Thập Tụng khai cho uống vì sợ kia vọng dẫn nên chú giải để phán quyết.

Luật Tử Phần nói gần sáng, vẫn trong giới ăn đã khai, chỉ cho phép ngoài dùng. Nhưng kia chỉ nói rằng: đêm thọ bơ, dầu, nghĩa cũng thấu chung gia pháp.

Kế từ dư trở xuống là phân biệt nêu chung thể của thuốc. Sau chỉ luật Thập Tụng, như trong phần thọ pháp sau ở khoa thứ hai sẽ dẫn. Luật ấy chép: ba thứ thuốc phi thời..., vì thế nói là dư (khác).

Môn kế nói về lỗi, luật Thập Tụng nói có hai:

1- Nêu người phạm, Tỳ-kheo tức người khác, Tăng là chúng tăng, Ni thêm Thức-xoa. Hai chúng cộng thành bảy người, trong phần chú giải do Thức-xoa quá thực nên phi thường khai?

2- Nói bốn lỗi. Trong phần nói về trong đó ngủ: chỉ nói Tăng

phòng, đến nỗi có người chấp rằng cùng ngủ trong tịnh địa không có tội mà vẫn không rõ ràng nên chú giải để xem xét.

Nội nhiệt tự nhiệt, nhiệt tức là nấu.

Ác tróc nhiều món, vả lại chỉ y cứ một tướng. Trong chú giải nói lên phải quyết xả, thọ lại không có lỗi.

Luận Tát-ba-đa nói có ba thứ:

- 1- Thọ.
- 2- Cầm nắm.
- 3- Không thọ, không cầm nắm.

Trong văn nói ngủ chung qua đêm phạm tội Đột-cát-la, tức tội ngủ ở trong đó.

Đâu, không ngủ chung cũng phạm Đột-cát-la. Sở chép: do tâm chứa để nên phạm.

Luật Tứ Phần không có văn, nghĩa đâu chung cho phép.

Trong phần đối hiển: trong đó ngủ đối xứ ba chỗ có phạm.

Trong phần nói về người: ba người chỉ y cứ Đại tạng.

Biết có phạm nghĩa là không biết thì không phạm.

Sau dẫn văn nêu rất dễ thấy.

“Cẩu trì phong xuy”: đều gọi là ăn trong đại giới. Chữ luật là viết lằm, hợp thành chữ Phật.

Trong phần nói về thức ăn có ba:

- 1- Nói lìa đất bất luận dư, đủ.
- 2- Chưa lìa đất phải phân biệt dư, đủ. Như quả, rau, v.v... mầm sống chưa dứt, đều không nội túc.
- 3- Phân biệt bốn thứ thuốc chỉ trừ thuốc dùng trọn đời là bít, ba thứ còn lại đều phạm là thông.

Trong phần nói về trong đó nấu nướng nói đối xứ, chỉ ở trong Đại giới là phạm. Tịnh địa đều là bít.

Người chung bảy chúng, đây là y cứ năng tạo. Nếu nói về thức ăn phạm chỉ hạn cuộc ba người. Bốn thứ thuốc chỉ khai thuốc dùng trọn đời. Tự nấu cũng như vậy.

Trong phần tự nấu y cứ về thức ăn biến sinh thành phạm.

Ngũ Bách Vấn chép: Tịnh nói thông, lẽ ra là hỏa tịnh vật sống.

Trong phần nói về ác xúc y cứ theo người.

Khoa đầu lại có hai:

1- Nói tự xúc chạm có đủ năm. Quyết ý không ăn là mất pháp thọ. Nếu muốn ăn lại thì phải thọ lại.

2- Từ nhược trở xuống nói người khác xúc chạm chỉ có một.

Khoa kế:

- Câu đầu chú giải rằng cố ăn cũng vậy, nghĩa là một lòng đưa cho tịnh nhơn. Tuy trải qua hai lần cầm nắm cũng không thành, xúc chạm như trước đã nói, vì lầm xúc chạm không phải tác ý. Xúc chạm (cầm nắm) không phải tâm tốt, vì thế đều không thành.

Trong phần ba: Câu đầu, luật Tứ Phần nói vong cũng tức là khai lầm. Lại ở trước luật Tăng-kỳ nói lầm giữ. Thuốc bẫy ngày như dẫu, v.v... đều đồng. Câu kế dẫn luật Tứ Phần nói: Không xúc tịnh nghĩa là người khác được ăn, xúc thì không thành. Vì thế, xúc ấy là bất tịnh tức người có tâm xấu, riêng thành ô nhiễm.

Trong phần y cứ vào thức ăn: Ba thứ thuốc gia thọ chung không ác xúc.

Che, giấu lẫn nhau: gốc y hai giới, nhánh che quả rơi xuống, thì có lẫn nhau.

Theo các văn sau, ở đây đều từ gốc cây mà phán. Rơi xuống đều y theo sự hiểu biết mà nói. Đại khái như vậy, tìm xem văn tự thấy.

Trong luật Tứ Phần, đầu tiên nói để thức ăn. Luật vì trong Đại giới có cây mọc nhánh che tịnh địa, các Tỳ-kheo muốn để vật trên đó. Đức Phật dạy rằng: gốc cây ở trên đất bất tịnh.

Lại có cây ở trên tịnh địa, nhánh che phủ đại giới, Tỳ-kheo muốn để vật trên đó. Đức Phật dạy rằng: gốc cây ở trên tịnh địa thì được ăn. Vì thế, nói là tùy theo gốc cây mà quyết đoán.

Kế từ cây trở xuống là nói rơi rớt lẫn nhau. Không người xúc chạm biết, luật chép: nếu không khởi ý muốn rớt xuống thì tịnh vì thế nói rằng không thành ngữ trong đó. (Lại nói rằng: cây ở tịnh địa, quả rớt xuống bất tịnh địa, Tỳ-kheo không biết. Đức Phật dạy... trong văn tịnh không dẫn). Y cứ theo quả rớt xuống tịnh địa vốn không có lỗi. Nhưng gốc cây ở đại giới, quả chín không lấy, nghi sợ thành phạm, vì thế sau phải y cứ vào dư và đủ để nói.

Vị trở xuống là nghĩa phán có hai:

1- Y cứ vào chia lìa phải chia ra đủ và chưa đủ.

2- Từ nhược trở xuống y cứ vào đã lìa thì không phân. Văn luật không nói dư, đủ, lìa xứ, vì thế chú giải để nêu.

Luật Ngũ Phần chép:

1- Nói Tịnh địa và bất tịnh địa. Tức người và vật đều ở giữa hai giới. Nói: không chỗ làm nghĩa là không tác ý cầm nắm, v.v...

2- Từ nhược trở xuống là nói vật ở Bất tịnh địa. Y cứ theo biết và không biết: Đầu tiên dẫn khuyên. Sau từ bất trở xuống là Đức Phật

quyết đoán.

Luật Tăng-kỳ, trước nói sinh trưởng đồng như phần nói về gốc cây ở trước. Ngũ cốc, lúa gạo y cứ đồng cũng nghĩa là phải kịp thời nhập vào tịnh khố. Trong phần chú giải hội đồng bốn tông như trên đã dẫn. Kiệm khai tám việc.

Luật Tứ Phần trước dẫn kiệm duyên. Sau từ Phật trở xuống là nêu tám việc:

- Trong giới ngủ, trong giới nấu ăn, hai trường hợp này là vì giặt đem đi cho nên khai.

- Tự nấu nhân vì tịnh nhân hết thức ăn cho nên khai.

- Tự lấy tức ác xúc.

- Nhân đi trên đường thấy trái cây tìm tịnh nhân không được vì người cầm đi, cho nên khai.

- Hai giới, hai thứ trái cây, bốn việc đồng khai thức ăn đủ.

Trong luật chép: Tảo khởi thực (tức tăng thực, nghĩa là sớm thọ các thức ăn). Từ chỗ ăn đem thức ăn dư đi (tức thức ăn của thế tục (tục thực), nghĩa là khát thực ăn rồi đem thức ăn dư đi). Thọ thực rồi được quả Hồ Đào cho đến A-ba-lê (tức quả rớt xuống).

Đã ăn rồi được vật trong nước thì được ăn (tức quả rơi dưới nước). Bốn thứ này đều do Tỷ-kheo làm pháp dư thực. Kia hoặc chia ra ăn hoặc thức ăn đều hết, cho nên khai. Tám việc này theo duyên thì có tám, theo sự thì chỉ có năm việc.

Tự lấy gồm không thọ. Trong đó ngũ gồm gần sáng. Y cứ văn có bảy tội, nghĩa thêm hoại sinh. Bốn tội Ba-dật-đề, bốn tội Đột-cát-la là tám tội.

Nghĩa gia chuẩn không thọ: đã không tùy theo người, nghĩa không khiến tịnh.

Trong phần chế, bốn khai kiệm duyên.

Thời phong phải chế, đúng pháp trị: như tám tội nêu trên, tùy phạm mà trị.

Luật Thập Tụng nói trì tàn: nghĩa khai các tội.

Nói chư khiến cho biết là ngăn ngừa sự chê bai.

Trong tịnh pháp, chế ý có ba.

1- Luật Tứ Phần, luận Minh Liễu có hai ý:

- Ngăn sự chê bai.

- Khác với thế tục.

2- Dẫn luật Thập Tụng tức ủng hộ pháp. Ý trở xuống là chỉ tùy giới. Trước nói: Nếu Đức Phật không chế thì Quốc Vương, Đại thần sai

sử Tỳ-kheo, do Đức Phật chế nên Quốc Vương, Đại Thần mới dứt tâm, v.v...

Trong phần nói về xứ và người:

1- Nêu bày: Nhất trở xuống là nêu câu, ban đầu y cứ về nghĩa nêu ra hai câu đầy đủ. Chú giải bốn chúng khác tức Tỳ-kheo-ni, v.v...

2- Từ dư trở xuống là dẫn văn nêu hai câu lẫn nhau. Trong phần tịnh pháp, văn đầu Thượng tọa xét hỏi khiến cho chúng biết chỗ ăn không nghi.

Duy Na cũng như vậy, nghĩa là được bất cứ một người nào, không phải đều hỏi hết.

Khoa kế, trong luật Tứ Phần nói như phần tùy tướng. Nay tùy theo đó mà lược xét. Trong năm món đầu nói biết trung chúng: bỏ bớt chữ Trung nghĩa là không thể gieo trồng được.

Trong năm món kế nói Bì bác nghĩa là tự lột da, phi bì tức cho cắt.

Luật Tứ Phần nói mười món. Năm món tịnh chủng tịnh căn đó là: năm món trước thuộc về tịnh chủng, năm món sau thuộc về tịnh căn. Nếu y theo Tỳ-kheo-ni Sao chú giải rằng năm món sau chung cho tịnh sinh chủng, lại dường như không hạn cuộc.

Theo luật Ngũ Phần, Số chép: Ngũ Phần nói mười món, phần nhiều là giống luật Tứ Phần, lại thêm thủy định ở đây.

Luật Tăng-kỳ thì bốn pháp phân đối sáu vật.

Sau dẫn luật Tứ Phần để nêu chung và riêng.

Luận Tỳ-ni Mẫu nói hai pháp tịnh cần phải bỏ hạt giống (mầm giống).

Trong phần ba, khoa đầu trước nói chánh phân biệt chung và riêng. Chú giải rằng: pháp cao thảo vô tịnh pháp. Số chép: Như một mâm rau tươi (rau sống) tương chủng lẫn lộn. Dầu dùng lửa xúc chạm vào tương thì chủng không phải tịnh vì tương và chủng cách nhau, lại không chung nhau. Liệt cao thảo khác có cách cũng không tịnh (phải mỗi thứ lửa xúc chạm vào mới thanh tịnh).

Kế, từ nhược canh mẽ trở xuống là nói tịnh lại. Chú giải rằng: Bạch bì lý: nay giã gạo cho trắng không có sinh chủng tức không cần tịnh. Hoặc như luật Thập Tụng dẫn việc để hiển bày. Kia không có tịnh như, tứ khai tịnh mẽ đã bảy ngày tự làm, v.v...

Hỏa tịnh, đao tịnh: như canh mẽ trên là chỉ dùng hỏa tịnh, củ cải dùng cả hai thứ tịnh (hỏa tịnh và đao tịnh).

Trong phần tự tha, đầu tiên là nói sai khiến người khác, tựa chú

giải chỉ trên nêu dưới. Sau nói tự làm.

Gia hành tức là làm.

Trong phần sơ giải, đầu tiên nêu tổn, sau từ kim trở xuống là hiển bày lợi ích.

Nhất cát-la là tội tự nấu (hoặc nói là hoại tướng), phải trước từ người khác thọ.

Trong phần ba, luật Thập Tụng, trước nêu đúng pháp. Sau từ nhược trở xuống là phân biệt phi pháp.

Hỏa dẫn nghĩa là lửa trên một chỗ nhỏ. Tro nóng, than lửa không cháy trên đầu đều không thành tịnh. Trước nói pháp sai; sau Tỳ-kheo trở xuống là nói nhân sai. Chú giải nói lửa chạm đến: ý nói chỗ lửa chưa cháy đến được ăn không có lỗi. Đồng với luận Minh Liễu nói ở trước là dùng dao, móng tay làm tịnh được ăn vì không tự nấu nên như vậy, đây là tự tịnh đều là hoại tướng.

Luật Ngũ Phần nói cây hành hỏa tịnh ý hiển gồm thông, không phải chỉ hạt giống.

Luật Tăng-kỳ, trước nói nương duyên mà thành pháp. Vì lẽ ra phải kèm lửa nhỏ, có nghĩa là hoại tướng.

Kế, từ nhược thực trở xuống là nói tướng chủng bốn câu, nhiên trở xuống là y theo câu thứ hai để nêu cả hai chung.

Trong phần bốn, đầu là y cứ về vật đồng một chỗ (xứ), riêng mỗi chỗ thì không được. Thử trở xuống là nêu lý do tịnh pháp.

Nói: Sa-di tịnh nghĩa là tác pháp này khiến cho tăng khỏi tội.

Chuẩn trở xuống là nêu chung lúa gạo ngũ cốc. Do đồng lúa gạo ngũ cốc cũng chung tịnh, không gọi là hoại sinh.

Trong phần chủng tướng. Đầu tiên là hỏi, kế là đáp. Trước nêu tướng sinh.

Bảy thứ là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tím và hồ thủy (vừa xanh vừa vàng). Sở trở xuống là nói sinh chủng. Lìa đất có thể sống như loại cây liễu, nhánh nó trồng được. Từ duyên tức nước và đất.

Theo luật có năm món: gốc rễ, nhánh, đốt, hạt giống và tạp chủng.

Trong phần năm, trước trình bày cần phải ý rộng. Sau từ lược trở xuống là nêu chương.

Khoa đầu, trước dẫn luận Tát-bà-đa có năm ý.

Thứ năm tức ngoại đạo thấy Tỳ-kheo không tự thủ quả, phát tâm xuất gia, v.v...

Kế dẫn luật Ngũ Phần vì quả trách mà chế, vì thế nên biết lập

pháp là để ngăn ngừa sự chê bai tức giống như ý thứ ba của luận Tát-bà-đa.

Không cho mà lấy là tên khác của trộm cắp.

Miệng thọ hai ý: phòng pháp phòng tội như vẫn có thể phân chia. Sau chỉ như sau tức phòng tội.

Trong phần hai, trước là nêu, vấn thủ trở xuống là giải thích, nghĩa chung chia làm ba:

1- Nói tay thông.

2- Nói miệng hạn cuộc.

Thời được cũng có miệng, tức có duyên miệng gia ba thọ. Thời được có hai hạn cuộc: một là tay miệng xen nhau hạn cuộc, hai là đều hạn cuộc.

3- Có thể thấy.

Luật Thập Tụng ghi:

1- Nêu duyên khai, do thời không chánh nên gọi là thời phần.

2- Từ phi trở xuống là phân biệt thể thuốc.

Cử tức là nói bao gồm tàn nội. Trong phần ba, chỗ trao là quá thực. Khoa đầu nói năm nghĩa là chỉ luận Tát-bà-đa ở trước. Do có năm nghĩa nên phải trừ chúng khác không cho tự loại.

Sáu chúng là bốn chúng xuất gia và hai chúng thế tục. Ba vượt lại gồm không chứa để.

Miệng thọ hai hạn cuộc, chúng hạn cuộc Tỳ-kheo, vượt chỉ có nhân đạo.

Khoa kế là nói tác chứng minh, tức nghĩa thứ hai trong năm nghĩa trên.

Trong luận nói về người thành và không thành. Không chứa để thành là quyết phải y cứ vào sự hiểu biết.

Trong phần ba nói chỉ (dừng) tức không cần tay, mắt hiện tướng, miệng liền nêu bày.

Trong phần bốn, trình bày ý có ba:

1- Nêu pháp. Tâm cảnh: tâm là năng duyên, cảnh là thức ăn. Ngưỡng thủ là sắc tướng. Lãnh là tâm đã chú giải ở trước, dẫn sai hiển chánh.

2- Giải thích thành tướng lĩnh (tướng tâm), một sự tức là cảnh thật.

3- Từ trừ trở xuống là khai.

Mắt tuy không thấy cũng có thể nghe, có duyên để dưới đất, kia tuy không có tâm tự phải khởi ý.

Không vui tức ngoại đạo chê bai.

Kinh cấp tức lửa cháy ngăn ngừa, dẫn đầy đủ như trong phần giải thích tướng.

Ký trở xuống là dạy thọ chung, nghĩa là trước phải khởi niệm. Món ăn này sau khi thọ tâm sai cũng được thành pháp.

Trong pháp thọ: đầu tiên là chỉ lược Thời được, kể từ thử trở xuống là nêu ba thứ thuốc. Phân vị để nói nên gọi là kết luận.

Bốn vị phi thời, trong vị đầu có tám hoạn, nghĩa là tám lỗi. Năm vị trước là nhiễm xúc chung tự mình và người phạm. Ba vị sau y cứ vào thọ chỉ y cứ từ luận. Sáu là không thọ, bảy và tám tức lỗi thọ. Thứ bảy y cứ giữa và sau mà nói. Giữa, trước không có lỗi như chú giải đã phân biệt. Thứ tám văn chú giải tức trong phần thể chuyển biến ở trước.

Trong luận nói tướng trái cây biến thành giấm ngọt thì mất pháp thọ.

Trong phần hai nói phải nấu nghĩa là nước trái cây tươi, nếu chín thì không cần.

Trong phần ba, nói tướng loại sau khác là như tướng trái cây, mật v.v... các loại tướng trong thể đã nêu vì có khác nhau.

Ba, nói ghi nhớ: hoặc cần hoặc không cần, vì thế chú giải nêu đó.

Trong phần bốn, các luật không có văn, có sự cho nên phải dùng nghĩa để lập.

Trong phần nói về lời có sáu câu. Đầu tiên là khiến cho chuyên xem xét vì sợ khác duyên. Hai là xưng tên mình vì phân biệt không phải người khác.

Y cứ trong khoa sau bệnh nặng không thể kham nhận được nên thay thế gia thọ.

Nên xưng bệnh: là danh tự.

2- Duyên xưng bệnh nói không xen lẫn thứ khác.

4- Giững, nước nóng chỉ riêng thể của thuốc.

5- Ban đêm kỳ hạn định thời.

6- Đối người khác thọ cầu trước đối chúng (Hai pháp sau phân câu đồng như vậy).

Chú giải chép: Không để lại nên không cần gia thêm: do gia pháp khẩu kéo dài thời gian ắt không có chỗ lưu, chỉ thẳng tay thọ.

Trong thuốc bảy ngày, trước nói tám hoạn.

Đối hoạn thứ tám là do bơ, dầu, v.v... không biến động. Phạm tàn thực khác với tàn tức ở trước. Nhưng đây thọ rồi qua đêm không phạm

(xưa y cứ về tự thức ăn phân khác là sai). Bốn pháp năng thọ đồng như trước.

Trong phần ba nói năm lỗi.

* Lỗi thứ nhất chia làm hai: Chánh nói và hỏi đáp, trong phần chánh nói lại có ba:

- Câu đầu nêu lỗi.
- Nhược trở xuống là nêu tướng.
- Từ Tăng trở xuống là dẫn chứng.

Trong phần hỏi đáp, do chưa phạm dư, chế thọ khác nhau nên phải phân biệt hỏi để quyết đoán.

Trong phần đáp, trước giải thích không thành, sau chọn thuốc khác.

* Thứ hai dư nhiệm không thành, rất dễ hiểu.

* Lỗi thứ ba nói được vị chung nghĩa đồng vì cùng chứa để. Luật Tăng-kỳ như vậy, nếu y cứ theo bốn tông lẽ ra tự thành.

* Lỗi thứ tư, đầu tiên dẫn chế pháp. Một ngày tức ngày thứ tám. Vị trở xuống là hiển ý. Câu trên chỉ trong ngày, câu dưới nói không phạm. Theo xưa thì không uống lẽ ra thành thọ. Chế phải ở trong ngày vì ức chế lòng tham. Lại nếu uống ăn tám ngày thì thành phạm. Sau thọ tướng nhiệm, nay do không uống nên được thọ trong ngày. Pháp lập có nên khiến y theo đó dùng.

* Lỗi thứ năm nói chánh có thể là thuốc vừa hết. Tuy không nhiễm phạm nhưng không cho tiếp tục thêm. Trong phần kết quyết đoán tiếp tục trước cần phải đồng thuốc.

Sau dẫn luật Tăng-kỳ nói một thể chuyển đổi, có thể chứng khác vị không ngại thọ tiếp.

Trong phần tự tác, thứ hai nói đốt đèn xoa chân, dầu không dùng, nghĩa không thêm thọ (xưa nói rằng dầu dùng để trừ (mất chết) xoa chân có thể lợi dưới nước, ở Tây Trúc phần nhiều dùng).

Sau chỉ chỗ xuất xứ, nghĩa phải y theo đó.

Thứ ba nói ghi nhớ, dùng nhà không định nên chú giải.

Trong phần bốn chú thích nghĩa xoay vần. Dầu, mật không chuyển, trải qua sự nấu nướng không mất thọ. Đây là do trong văn chỉ lựa hai thứ bơ, được tự nấu do bơ sống trước đã chín không phải biến sinh.

Hai nấu tức tự tha nói ở trên. Y cứ nơi bơ sống hạn mãn có xúc, vị chuyển mất thọ, sự đồng vật mới. Thọ lại mà cầm nên không thành xúc.

Sau dẫn luận Bà-sa, phản chứng rất dễ hiểu.

Trong phần chánh gia, chú giải nói để tịnh địa lìa trong đó ngủ.

Phải tự lấy: khởi xúc mất thọ.

Xưa giải thích thuốc bảy ngày khai cho trong nội túc nên đặc biệt nêu ra.

Vấn nêu bệnh phong, dầu thuốc là pháp còn lại đều y cứ sửa đổi nên nói là loại chuẩn.

Trong thuốc trọn đời, bốn vị đầu là chỉ ở trước, kế là khoa đầu phải hóa tịnh. Vả lại, y cứ vào sống mà nói. Hai cùng khác phải y cứ thuốc phân tướng xen lẫn.

Trong phần thể gọi là chánh dược, phân tức là sự trợ giúp khác.

Hai pháp tức hai thọ: tay và miệng (có chỗ nói rằng tức thể phân hai thứ thuốc, thuộc về thuốc pháp nên nói hai pháp).

Biệt lai nghĩa là không đồng thời mua.

Biệt thọ nghĩa là hễ được liền gia.

Trong phần thứ tư nói gồm thọ, chú giải ghi các thứ thuốc. Đây là y cứ vào vị thuốc chưa hòa hợp, phải là hiện thành hoàn, tán riêng ghi tên thuốc. Như nói rằng Hoàng kỳ tán, A Ngụ hoàn, v.v...

Nhược trở xuống chỉ cho ví dụ. Tùy theo bệnh gì thì y theo trên mà sửa đổi.

Chỉ như trước tức chỉ chú giải ở trước nêu riêng mục lục của thuốc, hoặc có thể đồng như trên phải nói về thể phần, hoặc có thể chỉ tướng hòa thể. Văn kia chép: Tùy dùng thuốc, đầu là nêu số mục, còn lại thì được phân xứng.

Trong phân biệt thọ, đầu tiên nêu có duyên đến riêng.

Nhi trở xuống là nói thọ riêng, lại có hai:

1- Gia thêm thể của thuốc, đồng như trên không nêu.

2- Từ nhược trở xuống là gia thêm dược phần.

Trong chú giải, tám vật trên là thời dược. Ba vật sau là thuốc bảy ngày. Gặp duyên nghĩa là bị việc khác ngăn trở. Thuốc trọn đời, “đầu” tiên là tên của thể thuốc. Trong văn nêu một vị thời dược, còn lại có thể ví dụ nhắc lại cho nên chú giải nêu lên.

Trong phần ba là khiến cho Tịnh nhân quyết đoán giá trị vì lìa sự mua bán.

Dược tự lựa chọn: do không phải là vật của mình nên không thành xúc. Tức tìm Tỳ-kheo gia thêm: có thì đến chợ, không thì trở về chùa. Không như vậy thì khiến tịnh nhân đem trở lại. Sau từ tay thọ nhận, sự cho hoãn.

Không quá hạn: trong thời gian không quá, phi thời không quá

tu-du (khoảnh khắc).

Trong phần khiển trách thế gian, đầu tiên nêu buông lung, khinh thường pháp. Hi biểu: một, hai nói là rất ít. Thời ấy còn như vậy, ngày nay có thể biết. Phật chế mà không thực hành tức diệt pháp, vì thế nói là ức tỏa. Ưc nghĩa là ức chế ngăn cấm, tỏa nghĩa là suy sụp.

Cao đàm trở xuống là khiển trách có nói mà không có thực hành.

Cao đàm là lời nói siêu vượt thế gian. Hư luận nghĩa là nói quá sự thật kia. Nhiếp tâm thì động không tự nhậm. Thuận giáo thì vâng giữ luật nghi. Đây là nói rất tốt. Y cứ theo lời nói thì vượt lên xuất thế, tức dấu vết thường lưu. Một việc thực hành không thấu suốt thì vô lượng diệt nơi thân. Bọn này mất thì đầy đủ mà tâm thì nghèo nàn (tâm không chân thật). Chân thật xuất gia, sao tự mình không gắng vươn lên. Than ôi! Bọn ngu si mê muội kia. Câu trên là mê quả, câu dưới là tạo nhân.

Có trở xuống là khuyên kia phải xét rõ ràng để làm gương soi.

Môn thứ năm, trong phần chánh nói. Đầu là nói thuốc bảy ngày, lại có hai:

1- Nói miệng thọ cần phải nói. Văn nêu ba nghĩa là thế, lực và vị cả ba đều mạnh hơn cho nên tham đắm nhiều. Sau nói tay thọ không cần nói, tuy đủ ba nghĩa: giới hạn giữa và trước, thời gian ít nên tâm tham lam chứa để cũng ít. Qua hi: hi cũng là ít.

2- Từ dư trở xuống nói ba thứ thuốc không cần.

Thời được có nghĩa thứ ba. Phi thời có nghĩa đầu. Trọn đời có nghĩa thứ hai. Hoặc lại gồm hai nhưng không đủ ba nên nói rằng ngược với trước, v.v...

Trong phần chỉ pháp: hai món thuốc và bình bát đều có và từ không khác chỉ sửa một chữ y mà thôi.

Trong phần thứ sáu là nói tay thọ:

Một là đối bệnh.

Hai là không nêu tên.

Vì thế không tự tha.

Trong pháp khẩu thọ, câu đầu là nêu đồng, nhược trở xuống là nêu nghĩa. Đây là y cứ về tưng đoạt để nói, nghĩa là căn cứ theo pháp tuy hạn cuộc ở luận, thuốc thì chung, chú giải nêu bày hai thứ chung.

1- Vị chung: giúp thân trị bệnh gồm kia đây, vì thế ở đây chung như trước.

2- Từ hà trở xuống là dẫn văn làm chứng, tức là thuốc dư. Giới văn kia nói xả, có ba cách khác nhau.

Thuốc sáu ngày trả lại chủ thì được uống. Thuốc bảy ngày như lời

sao có dẫn. Thuốc tám ngày xả cho tịnh nhân. Nghĩa sao giới số đều thấy ở giới ba mươi.

Trong phần bảy nói tay thọ, rất dễ hiểu.

Khẩu thọ, đầu nêu được không.

Không theo thế lực của thuốc nghĩa là giải thích trên không làm hai ngày.

Chính theo pháp luận là giải thích trên, lại thêm bảy ngày. Sau dẫn văn làm chứng. Luật Tăng-kỳ, Thành luận đều chứng minh thuốc dùng sáu ngày rồi bỏ, không được gia thọ lại.

Luật Tăng-kỳ chép: Do có Tỳ-kheo hằng ngày tìm tịnh nhân rất cực nhọc. Đức Phật hỏi thuốc và bảo rằng chứa thuốc bao nhiêu ngày được an ổn.

Đáp như lời Sao dẫn, chỉ lầm xúc (cầm nắm) ở trước, tức trong phần hộ tịnh cũng theo văn luật Tăng-kỳ, ở đây nói cầm nắm mất thọ, nói lên có thọ lại. Kiên bệnh là bệnh nặng.

Thứ tám, đầu dẫn luận có bốn đoạn:

1- Trình bày bốn chế duyên.

2- Từ nhược tác trở xuống là nói gập duyên thọ lại. Tức như trên dẫn lại thêm thuốc khác xen lẫn.

3- Từ nếu thuốc trở xuống nói mê quên gia lại.

4- Từ nếu bệnh trở xuống là nói bệnh nặng thọ thay.

Trong phần phòng tội, khoa đầu chế gia hai thọ, vốn là lia lỗi. Muốn nói chỗ phòng ngừa, danh tướng nhiều ít nên khởi lời hỏi để nêu bày.

Kế, trong phần biệt luận tội tương xen lẫn để gồm thấu. Tay phòng ngừa hai tội, bốn thứ thuốc đều đồng. Không thọ phạm tội Ba-dật-đề; ác xúc phạm tội Đột-cát-la. Miệng thọ, bốn thứ khác nhau. Thời được miệng gia thọ, chỉ thế tay thọ, cũng không kéo dài thời gian, tội đồng với tay thọ. Ba thứ thuốc còn lại quá hạn thì mất thọ. Không thọ phạm Ba-dật-đề. Ác xúc phạm Đột-cát-la. Hai tội này chung ba thứ thuốc. Tàn tức một tội Ba-dật-đề, chung hai thứ thuốc sau.

Nội tức v.v... ba không khai bảy ngày chỉ hạn cuộc thuốc trọn đời. Văn chú giải phá xưa như trong phần hộ tịch tội thông bí.

Kế trong phần sinh tội, ở đây nói hai thọ hợp luận phòng tội trở lại, ngăn ngừa cho nên sinh. Nương danh số trong luận nên gọi là nhân minh. Chú giải nêu tội sinh, trở lại từ thọ pháp.

Trong phần nêu giải thích, tay thọ hai tội, bốn thứ thuốc đều đồng, đều là ác xúc, tức là hai tội Đột-cát-la. Nếu y theo giới số chỉ nói quá

ngộ sinh ác xúc, hết đêm sinh tàn tức, thì phạm một tội Đột-cát-la, một tội Ba-dật-đề. Nghi nay tàn tức, sau phần nhiều ác xúc ghi rõ ràng.

Trong phần miệng thọ, Thời được đồng tay thọ ở trước. Phi thời phạm ba tội, hai tội Ba-dật-đề, một tội Đột-cát-la chung ba thứ thuốc sau. Thuốc bảy ngày lại thêm phạm xả một tội Ba-dật-đề, uống dùng phạm một tội Đột-cát-la, vì thế có tội. Giới sơ chỉ sinh bốn tội. Kia nói rằng: Có người lập năm nghĩa là uống thuốc này khiến cho hiểu, không như vậy mà uống thì có tội, không uống thì không có tội. Không đồng bốn thứ trên, không uống tội sinh. Vì thế biết lời sao này còn giữ lại cách giải thích xưa.

Trong phần hỏi đáp, đầu tiên nói ý không sinh, chẳng phải cho rằng không đâu không chịu tội, nhưng vì không nhân nơi pháp miệng thọ mà sinh.

Không đồng trở xuống là nêu phi tàn đối hiển.

Trong phần nói về thuốc trọn đời, nói miệng sinh sáu tội là ghi lại cách giải thích xưa, xưa cho rằng sinh không thọ cho nên đồng như phần ngăn ngừa tội ở trước, danh số rất dễ biết. Không bệnh trở xuống là hiển rõ nghĩa nay, tức giới sơ chép: Miệng không sinh tội, do Đức Phật khai về gia pháp không mất, dầu cho cầm nắm cũng không mất thọ.

Trong luật nói không bệnh uống chỉ phạm Đột-cát-la, vì có pháp, nếu không gia pháp thì bị đọa. Theo đây chỉ kết tội trái lời dạy phạm một tội Đột-cát-la, đã không mất pháp thì không sinh tội.

Dư trở xuống là chỉ chứng. Ba giới đều nói rằng thuốc trọn đời, thọ được không bệnh mà uống phạm tội Đột-cát-la.

Kế trong phần hỏi thuốc, bảy ngày phạm tội chứa dư, và ba thứ thuốc riêng muốn nêu ý chế cho nên nêu lời hỏi.

Đáp có hai nghĩa: một là tham lam chứa để, hai là trái lời dạy, còn lại không có nghĩa này, vì thế nói là trái với ở đây.

Trong phần hỏi đáp thứ ba, đầu là nói bảy tội, ước đủ để nói. Thứ trở xuống là nêu có và không chẳng nhất tịnh.

THIÊN GIẢI THÍCH VỀ BÁT KHÍ (BÌNH BÁT)

Bát là tiếng Phạm. Khí là tiếng Hoa. Bát thì thân hạn cuộc đồ dùng, khí thì gọi chung các dụng cụ. Nói đủ là Bát-đa-la. Theo phần gia pháp ở sau nói rằng ứng lượng thọ, là vật đựng đồ đúng lượng, đối pháp làm tên.

Theo Chương Phục Nghi chép: Xứng đáng thọ nhận sự cúng dường dùng đó gọi là ứng khí, đây tức đối với người mà gọi.

Hoặc có chỗ nói rằng: lượng bụng mà ăn nên nói là ứng khí, tức đối việc ăn uống mà gọi tên. Hai chữ trên là vật sở nhiếp, hai chữ dưới tức giáo năng nhiếp. Vật tuy nhiều, nhưng hai giáo gồm nhiếp hết.

Bình bát chế trì có trái thì kết tội, chúng cụ (đồ đựng) cho phép chứa để, mới thọ dụng được, cho nên y cứ hai giáo gồm thấu tất cả.

Trong chú giải nói ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Thể gồm bốn việc.

Điều độ nghĩa là điều dưỡng cụ độ, là tên chung của các vật.

Trong phần trình bày ý chỉ nói do chế chỉ một bát, nghĩa không xen lẫn nhau cho nên nêu ra. Câu thứ hai chỉ vật nhiều, là đông nhiều, là nhóm họp.

Hai câu kế nói ý khai cho chứa để.

Bậc Thượng Sĩ một bát đủ để sống còn. Kẻ hạ lưu thiếu không kham tấn đạo nên nói là tùy báo. Sự giúp đỡ là duyên, đủ đạo lập là hành giới.

Tuy trở xuống nói cần phải y theo pháp. Câu đầu tiếp theo trước, câu kế nêu pháp. Tuy nói là cho phép chứa để nhưng có hạn lượng, hai câu sau là nói trái phạm.

Đây chế nghĩa là trái phạm, xá tội. Ký trở xuống là hiển ý của thiên này. Chúng cụ không phải một, chứa dụng có xen lẫn nên nói rằng lẫn lộn.

Mạo là tướng trạng, cách thức của vật.

Lược trở xuống là kết thúc chỉ bày như ở sau, tức thính môn ở sau (có chỗ nói rằng: đoạn trước nêu thính môn đã xen lẫn không nói chế giáo là sai).

Trong chế môn, ý chế có bốn, luật Tăng-kỳ nói ý khác thế tục. Không phải chỗ thích nghi vì không tương ứng. Luật Thập Tụng, luật Thiện Kiến đều mô phỏng theo ý Phật, cần phải ghi nhớ. Từ ngoài sự cúng dường đều gọi là ác dụng.

Không có nhân: luận kia chánh là nói không có chỗ nương: vì thức ăn uống, chỗ ở đều chẳng phải mình có. Ngoài bốn Thiên địa ra đều là đáy biển lớn nên gọi là bốn biển.

Trong kinh Trung A-hàm nêu danh nghĩa như giải thích ở trên.

Trong phần nói về thể, khoa đầu nói bần thiết: bần tức nghèo khí (bình bát bằng sứ).

Khoa kế, luật Ngũ Phần và luật Thập Tụng đều phân biệt phi pháp.

Bát bằng đồ gốm tức chứa nung do Đức Phật tự làm. Luận ấy

chép: Đức Phật ngự tại nước Tô-ma làm bình bát bằng gốm, bảo thợ đốt thành bình bát vàng, kế thành bình bát bạc.

Câu “đều nói cho kia biết” nghĩa là nói ta có thể làm vàng, bạc, quý báu. Bèn khiến cho chôn. Sau đốt thành bát sắt, Phật cho phép dùng. Nói bát Tô-ma là từ tên nước mà đặt tên, thì biết chế độ lượng không ngoài sự mưu tính của người phàm. Như trong thiên trước nói rằng: Phật dạy A-nan cất may ba y, bởi do đạo pháp của Phật xưa không phải là chính thân Phật chỉ bày cho những người không biết, hễ là người vâng giữ phải tự lấy làm vui mừng.

Luật Thập Tụng, Nghiệp Sở chép: Tạp báu là đồ dùng xen lẫn ở nhà người. Bình bát bằng gỗ là của ngoại đạo, bình bát bằng đá chỉ có Phật dùng, Tỳ-kheo đều không dùng chỉ dùng bình bát bằng bùn, bằng sắt, vì xa lìa các sự xen lẫn, tự phản tỉnh, việc dễ thành. Sau dẫn luật Ngũ Phần phán quyết tướng tội ở trước. Dẫn luật Tăng-kỳ nêu lý do phạm. Gồm phán các bình bát, bình bát bằng đồng trắng và gỗ có thể kết tội Thâu-lan-già, còn lại hễ không đúng pháp đồng phạm Đột-cát-la.

Trong phần ba nói giáp trữ tức nay là gỗ, xương, vải, sơn.

Côn ngôa: xưa nói rằng dùng đá mài, sau đó dùng đất mỡ trét lên rồi đốt mà không xông.

Bát bằng sứ là để trên dầu đốt.

Nghĩa cần phải hủy: hoặc tự hủy, hoặc y theo luật Thiện Kiến. Tỳ-kheo trì giới thấy cầm bình bát bằng gỗ liền đánh phá, không bị tổn ích.

Trong phần nói về sắc, khoa đầu luật Tứ Phần nói có màu đen, màu đỏ. Luật Tăng-kỳ nói màu xanh biếc. Nay phần nhiều dùng màu đen mà thôi.

Cổ chim công: là lấy màu lông trên cổ chim công, màu chim Bồ câu phần nhiều khác. Nay chỉ lấy màu xanh.

Khoa kế, trước dẫn luật chế.

Luật Tứ Phần khiến dùng bùn xông làm Bát lư, dùng tro xông làm Bát tràng. Để nhánh cây, lấy Bát lư che lên trên, đắp tro bốn bên, lấy tay đè xương cho chắc, dùng phân bò đắp bốn bên đốt lên. Nay phần nhiều để Bát lư ở dưới, làm cái lồng tròn che ở trên. Trong lồng dùng để thanh sắt nằm ngang rồi treo bát trong đó, dùng tre đốt xông.

Nhi trở xuống là khiển trách sai. Trước nêu năm trường hợp.

Côn Quán Cổ chép: sau khi đốt thành bỏ vào lửa cho chắc. Hễ còn không mài thì phải xông. Đã mài rồi sau lại xông.

Bình bát bằng sắt thì chứa năm biển, bình ngói (sành) chứa hai biển. Nếu chỉ xông một lần cho bên thì sắc lạc thọ nị, dầu giống như đồ dùng bằng sứ ngày nay, để trên dầu mà đốt. Thân trở xuống là chứng sai.

Đầu là dẫn chính thân nghe chứng. Cối này hành dùng nghĩa là Phạm tăng đến đây dùng.

Năm trở xuống là dẫn văn chứng. Chuẩn trở xuống là nêu thông bình đựng nước cũng xông thành màu sắc, trong phần ba:

- 1- Dẫn bộ Thiện Kiến.
- 2- Chỉ các bộ.
- 3- Nêu xứ này.

Nghiệp Sở chép: Tây Vực bình bát bằng sắt xông để bền chắc, đây là giải thích các xông.

Trong phần nói về lượng:

Khoa đầu có ba:

- 1- Nêu ba phẩm: Thượng, hạ, trung.
- 2- Từ thử trở xuống là định ra đấu khác nhau:

Đầu là lấy đấu nhà Chu. Chú giải chỉ rằng pháp thế tục là con cháu tính toán mười tức là khuê, mười khuê là sao, mười sao là toát. Mười toát là chước, mười chước là hợp, mười hợp là thăng, mười thăng là đấu, mười đấu là học. Tướng do cách tăng, nêu bày có thể y cứ.

- 3- Từ chuẩn trở xuống là nói về đấu đời Đường.

Đời Đường xen lẫn khiến cho dùng ba đấu nhà Chu làm một đấu. Nay ở thế tục dùng đấu đời Đường là thích nghi, nên y theo đó làm lượng.

Khoa kế, trước dẫn luật Thập Tụng. Hai câu trên nêu đồng, nghĩa là ba phẩm lớn nhỏ. Hựu trở xuống là nêu khác. Bỉ minh trở xuống là nói bát thọ hai bát tha, bát tha là tên lượng ở nước Phạm.

Theo ở sau một bát tha rưỡi là một đấu nhà Chu, tức ba thăng ba hợp đời Đường. Nửa bát tha là ba đấu ba hợp nhà Chu tức một thăng đời Đường.

Tính tổng quát thăng đời Đường: Bốn thăng trở lên là lượng hạ phẩm, vì thế chú giải dẫn bộ Tăng-kỳ để hợp. Nên biết luật kia nói bốn thăng tức y cứ phẩm hạ.

Bát-tha-đa-tha là nhiều âm chuyển mà thôi.

Luật Tăng-kỳ chép: đời Tống dịch là Xích Đấu, đều y theo thời Nguyên Ngụy, phần nhiều giống đời Đường, vì thế lấy bốn thăng là bát phẩm hạ.

Kế dẫn luật Tăng-kỳ hội đồng văn luật Tứ Phần có năm đoạn:

1- Nêu luận Sử tức luận kia tự chỉ.

2- Từ vị trở xuống là định lượng Bát-tha. Phù phạm nghĩa là nấu chín trong cái chõ.

3- Từ thời nhân trở xuống là hợp lượng của bát. Còn lại có thể an tức, v.v... Thì bát thượng cộng thọ bốn bát rưỡi. Một bát-tha đầu đời Tần tính có sáu thăng sáu hợp rưỡi (đời Đường tính hai thăng hai hợp). Bốn bát tha tính gồm hai đầu sáu thăng sáu hợp rưỡi (chín thăng đời Đường). Nửa bát-tha tính ba thăng ba hợp (một thăng đời Đường), cộng thành ba đầu (Hai đầu đời Đường).

4- Từ luật sử trở xuống dẫn lời bàn luận khác.

Trung, Hạ nêu hai phẩm còn lại.

Một đầu rưỡi là Hạ phẩm, tức nay là năm thăng, trung gian là Trung phẩm.

5- Từ kiến trở xuống là dẫn chứng. Văn này muốn vâng làm theo nghi thức xưa thì trước định phẩm lượng có chỗ y cứ. Sau dẫn luận Tỳ-ni Mẫu chứng ở trước, rất dễ biết.

Trong phần ba, trước là chỉ định giá lượng. Luật trở xuống là riêng khiển trách không đúng pháp, lại có hai:

1- Ngăn vọng chấp, trước dẫn chỗ y cứ kia. Nghiệp Sở chép: có người nói luật chế phải lượng bụng mà ăn, vì sao phải định lượng. Tuy được thành thọ không cần phải y theo luận. Đây không nêu xưa, thăng như vậy mà ngăn. Ngôn trở xuống là chánh khiển trách, câu trên là trúng, câu dưới là đoạt.

2- Từ thế trở xuống là khiển trách chấp bát nhỏ. Gọi phi pháp vì lượng không đúng với lời dạy. Cần phải đúng pháp mới kham thọ tịnh.

Trong phần gia thọ có hai:

1- Dẫn luật Thập Tụng, pháp đối thú nói ứng lượng là nói hợp pháp. Thể và sắc ít xen lạp, còn phẩm lượng phần nhiều hay trái với luật đặc biệt nêu ra. Hoặc nói khả lượng tức giáo lượng. Thông mục có ba thứ đều phải đúng pháp mới được thọ trì.

Nói thường dùng là nêu ý thọ. Y thì thường đắp mặc, còn bình bát thì dùng có lúc, vì thế gia thêm lời rằng ức trì không quên (nhớ giữ không quên).

2- Từ Thiện kiến trở xuống là dẫn pháp tâm niệm. Văn y cứ trên tức chỉ trừ câu đầu đối đáp. Tăng-kỳ trở xuống là nêu chuyển đổi, nghĩa là chứa để hai bình bát không có người thuyết tịnh. Trong mười ngày phải xen nhau chuyển đổi thọ, xả thì phạm tội chứa dư, văn giống trong

phần nói hai y.

Trong phần sáu:

Khoa đầu: trước nói mất thọ giới hạn, tiết tiên kết phản, nếu trở xuống là nói gia pháp không thành.

Khoa kế: trước nói chưa độ được giá trị.

Chủ nói, không nói đều xếp vào thành.

Nếu mua trở xuống đã biết giá trị. Chủ báo, tha báo, phạm, không phạm khác nhau.

Nói tTha báo không phạm vì chưa định thật.

Trong phần ba, đầu là dẫn văn. Khổng nước nghĩa là chưa xuyên qua. Há hô nha phản. Sau từ y cứ trở xuống là nghĩa quyết.

Trong phần bốn, thiên trước nói ba y không quá ngày không phải y dư. Nay muốn thí dụ đồng một bình bát nên hỏi để giải thích.

Nói: không thọ trì phạm tội tức trái lời Phật chế, phạm tội Đột-cát-la.

Trong phần bảy, văn đầu nêu Ngũ Bách Vấn có hai đoạn:

1- Nói chế dùng, kia phán phạm tội đọa, theo luật thì phạm Đột-cát-la.

2- Từ nhược trở xuống nói khai lìa. Tuy không mất pháp nhưng không đâu không trái lời dạy.

Sau dẫn luật Ngũ Phần, duyên khai không dùng, xuyên xương duyệt, phản đại hợp.

Khổ giống như hoạn.

Khoa kế, luận Tỳ-ni Mẫu có hai tiết:

1- Nói rửa vật, nhân chế rửa thân.

2- Từ cho đến ăn trở xuống là chế tự trì, nêu duyên khởi.

Luật Tăng-kỳ, đầu nêu pháp rửa, kế từ ứng trở xuống gồm pháp rửa bình bát của thầy. Trước rửa bát cho thầy, sau rửa bát của mình là pháp tôn trọng người, vì tùy sự tiêu biểu tâm. Quán cổ hoạn phản xuyên.

Sau nói giặt y, tướng nhân đó mà dẫn thấm vào.

Nhược trở xuống là nói pháp dùng bát vỡ.

Trong phần nói về hành trì và giữ gìn:

Khoa đầu có ba đoạn. Nói xen lẫn: cung kính, giữ gìn rắn dè không hề dùng.

Luật Thập Tụng nói nhất tâm nghĩa là chuyên ý. “Nhật cứu”, luật nói là tổn mâu sắc. Vì thế, luận Tỳ-ni Mẫu nói tất cả chỗ là chỉ trừ chính giữa ngăn đoạn dùng thứ khác.

Nói tròng mắt là để so sánh, răn dè khiến hết sức giữ gìn.

Luật Ngũ Phần, đầu là nêu cách giữ gìn, nhược trở xuống là nói tránh lỗi.

Noãn thang nghĩa là nước sôi, cũng làm cho tổn hại màu sắc. Hoặc là đốt, dùng nước sôi rửa vật là chẳng đúng, cho nên phạm tội, đều chế là phạm Đột-cát-la.

Khoa kế, luật Tứ Phần:

1- Nêu mười ba thứ không được để chỗ phi pháp.

2- Nói trì không đúng pháp.

Luật Tăng-kỳ có sáu việc đều phạm tội Thâu-lan-già, nghĩa là hoại Tam Bảo, đồng với ngoại đạo, nên nay lấy nghĩa hoại bát, còn lại đều nhân đó dẫn.

3- Luật Tứ Phần có sáu tiết:

1- Chế dùng khác nhau.

2- Từ nhược trở xuống là chế phạm chỗ. Chữ vạn là tiếng Phạm, ở trước ngực Đức Phật, người thường lạm dụng. Nay đều dùng kim châm ở chéo y. Đây là giáo đã khai cho.

3- Tứ phá trở xuống là nói hàn sửa lại. Nói mạn hai phần nghĩa là bát thượng trung và hạ chia làm ba phần.

4- Từ không được cầm nắm là nói chỗ để, luân tức xông màu sắc, vì thế nói hoại là dùng như bốn vật trên. Tà giống như màu sắc cũ hư hoại mới cho dùng hợp kim hàn (hoặc bạch lạp) trét ở đáy bình bát.

5- Từ không được xen lẫn trở xuống là nói cách rửa. Nước tiểu trâu bò ở Tây Vực rất quý, xứ này thì không dùng.

6- Nếu tay trở xuống là nói mang giữ. Miệng hướng ra bên ngoài nghĩa là: Trong luật, do có Tỳ-kheo khi đi đường mang bình bát, miệng bình bát hướng ra ngoài sườn, gặp lúc trời mưa chân ngã xuống đất đụng bên sườn thành tai họa. Đức Phật bảo không nên như vậy.

Đường nghĩa là hai bình bát chạm nhau.

Trong Ngũ Bách Vấn nói treo bát, phải để trong khăn treo dựa tường, không được úp miệng bình bát trên vách tường vì cũng sợ tổn hại màu sắc.

Sau dẫn luật Thiện Kiến nói để trên vai trước, không nói hai bên.

Thính môn vật nhiều không thể dùng khoa ước nên nói là nêu lên nhiều thứ.

Văn đầu, luật Tứ Phần nói có bảy đoạn:

1- Nói các khí cụ, là gốc nhánh. Nay chỉ lấy số, nghĩa là trở xuống

là nêu tên, tức hai chỗ, hai bình bát đều có bốn vật. Tắc trở xuống là hợp số có thể thấy biết.

2- Từ hựu trở xuống nói sắc làm dụng cụ. Bị bạc bái trái lại túi, gió thổi vào lư. Thác (hòn đá rấp) tức là lư. Tuyên âm tuyên, xưa viết khứ nghĩa là trực chuyển dùng để chở vật.

3- Từ diệc trở xuống là nói vật để xông bát, tức xông bằng lư, xông bằng lồng, v.v...

4- Từ nhược trở xuống là nói làm y cụ, lụa là màu đen lấy trắng.

5- Từ trị trở xuống là nói tu sửa bình bát. Toán tử toán phần là cái chùy. Diệp âm diệp lan (lá đồng, lá sắt).

6- Từ nếu không bát trở xuống là nói hỏa cụ. Dùng lửa để khoan, dùng vật như tre, gỗ, v.v... Hỏa tử thủ hỏa vật như cây ngải khô v.v... Toán tức hỏa toán, cũng dùng tre, gỗ để làm. (Khoan hay dùng lửa để khoan, cũng dùng tre, gỗ để làm).

7- Từ nếu trở xuống là nói các bình bát.

Lúc đầu, vì được cúng thuốc để trong bốn thứ bình bát cho nên biết được cho chứa để. Trong văn nói chung là không tác tịnh thí. Song bát đại ứng lượng lẽ ra cũng nên thuyết tịnh, vì thế chú giải để quyết đoán. Nói Long nha đặc: hai đầu cây cọc xuất hiện tượng Long Nha.

Không được trở xuống là phân biệt chẳng phải vì thế biết bốn thứ trên đều y cứ bần, sắt làm thế. Xuất trở xuống là nêu riêng cái ổ khóa. Văn trên nêu tên khác, Văn dưới hiển bày thế tướng.

Trong phần hai, đầu nói già bệnh khai cho làm. Văn là kéo ra, nghĩa là xe nhỏ. Hoặc dùng xe súc vật, hoặc do người điều khiển trâu.

Cách Mã là tên khác của người hùng, tên khác vậy. Ngăn ngừa xúc chạm nhiễm ô nên phân biệt dứt bỏ.

Kế từ nếu được trở xuống là nói người khác cúng thì được nuôi chứa. Viên âm viên, tức hai cây gỗ trước xe cất lên phía trước ở hai đầu đòn xe.

Bì thằng (dây da) để cột xe nhỏ, chằm đặng đều là chỗ cần có ở trên xe.

Ứng trở xuống là nói người đi xe, vì phân biệt Tỳ-kheo.

Nhược trở xuống là chỉ xếp kê xe, tức là lớn.

Ứng trở xuống là lựa sai. Chức bì (dệt da) vì có hoa văn. Phát thằng vì đồng với ngoại đạo.

Trong phần ba nói kia dùng kim khâu y, vô cố y rút ra bày thân hình, do đó chế đeo đi, nay dùng móc buộc lại thì không cần. Trong đây chỉ nói cho pháp chứa để mà thôi.

Trong phần bốn nói phi hành lai xứ tức là ẩn xứ.

Trong phần năm, luật Thập Tụng nói phát trần được thọ vì không phải mình dùng. Trâu Mao chớ giao phản, thường dùng làm cây phát, luật Tăng-kỳ, đầu tiên nói tự chứa để thì phân biệt chứa nuôi.

Liệt chiên nghĩa là cắt vải lụa làm điều.

Dạ cây tức gai cây dương, v.v... Nay phần nhiều dùng gỗ lư để làm. Đời nay đời sau cầm quạt, phát phần nhiều giống thái độ người nữ gọi là dâm nữ, há không hổ thẹn hay sao?

Trong Ngũ Bách Vấn nói Kỉ là bàn ghế, lộc là con nai lớn, khi đàn nai đi nhìn đuôi chỉ chỗ tùy chỗ đến. Người giăng cầm cây Phát chỉ cho thính chúng, vì thế dùng để đặt tên. Nhưng không được để dành đuôi để làm, vì thế chế phạm.

Luật Tứ Phần nói Vĩ Phát giống thính mao, nhưng cái sau không dài mà thôi.

Trong phần sáu nói giường dư tức nói khai cho chứa để.

Trong phần bảy văn xen lẫn nhau vì thế phải chi tiết đó. Văn đầu có mười:

1- Nói về khí cụ (Bình bát). Dao cắt cách bật vốn là thói quen cho nên không chứa để, người khác thì được.

2- Từ nhược đặc trở xuống là nói về y cụ.

3- Từ nhược đặc trở xuống là nói về toán tử?

4- Từ vi trở xuống là nói các dụng cụ trị bệnh. Bác phù bì phản là bóc vỏ cật. Ba thứ bình lá bình đồng, sắt và đất.

5- Nếu bát trở xuống là bát cụ.

6- Nhược tu trở xuống là nói đàm vật (vật để gánh). Nhiễm thảo nghĩa là cỏ để nhuộm y.

7- Thấy bạch y thả trở xuống là nói vì giữ gìn không để họ chê bai.

8- Từ đảo trở xuống là nói dụng cụ làm thuốc. Bơ nhỏ vào mũi trị bệnh đau đầu. Bốn phía chảy ra, phải dùng ống trúc nhỏ vào.

9- Từ yên trở xuống nói về thực cụ. Ống khói dẫn khói ra khỏi nhà.

10- Từ tinh trở xuống là nói vật tắm giặt.

Tháo bàn nghĩa là đồ dùng để rửa tay.

Sau từ nhược đặc trở xuống là nói về đấu và cân. Hai mươi bốn thù là một lượng.

Dưới dẫn luật Ngũ Phần quyết đoán theo bốn tông trên.

Nói: ban đầu như luật Tứ Phần nghĩa là trước chế lượng đồng sau

khai ra.

Khoa kế có năm đoạn:

1- Nói về ẩm thực cụ (những dụng cụ có liên quan đến việc ăn uống). Một lúc trao cho nghĩa là trước tiên nhận từ người khác, sau đó dâng lên cho thầy.

2- Từ nhược dạ trở xuống là nói đăng cụ (đèn). Đèn gồm nêu các thứ khác nhau sau: Đăng chú tức dụng cụ đốt đèn. Thiết chú là cầm ngọn đèn sắp tắt.

Luân chuyển đăng thọ tức làm tăng để đèn lên đó, xoay chung quanh. Cơ quan vận chuyển đó hình dáng như cây.

3- Nhược vi trở xuống nói về lọng vải.

4- Từ vi trở xuống nói vật làm giày dép, hoặc viết chữ sản lung.

5- Từ nếu đao trở xuống là nói các vật như dao, cái nhiếp...

Sinh hoại nghĩa là dơ cấu trên.

Tiểu âm tiểu là đồ để dao.

Thủ thượng ba nghĩa là trên tay trở qua trở lại như sóng, quất đao, tước đao thượng cấu (dao nạo, dao vót).

Trong phần ba có tám đoạn:

1- Nói về vật của phòng xá.

2- Từ đục trở xuống nói dụng cụ tắm gội.

3- Từ tất cả trở xuống là ngăn các vật thế tục. Lê là dụng cụ để cày ruộng, thế là dụng cụ để làm ruộng. Nay tục gọi là ba.

4- Từ nhược trở xuống nói cầm trượng. Tích trượng y cứ theo luật bản là vì sợ trùng thú. Theo kinh tích trượng đem theo đi khắp thực, động lên cho thí chủ nghe. Xuất xứ khác nhau, không hòa hợp. Danh nghĩa chế độ rộng như tụng kinh kia.

Trúc nứt có tiếng tục gọi là tán trượng. Cây tích trượng bên trong rỗng không như ống tre, v.v...

Trong luật có ngoại đạo ném dao vào đó, tâu vua để vu oan Tỳ-kheo, Phật do đây chế giới.

5- Từ nhược tăng trở xuống là nói về quạt.

Chuyển quan nghĩa là làm vòng xoay chuyển. Cắm vào quạt xoay chung quanh làm quạt máy.

6- Từ nhược tác trở xuống là nói về dụng cụ làm thức ăn. Luật đều viết chữ liễm. Y cứ chữ sánh hợp thành chữ liễm, hoặc chữ liêm là dụng cụ bằng dưới đáy (đáy bằng). Trộm nghi trong luật nói bằng đầu của cây tre mà thôi. Thắng âm thắng, tức là cái thùng vuông ngắn. Chi hợp thành chữ chi, âm chi nghĩa tửu khí, là cái thìa.

7- Từ nhược thực trở xuống là nói dục thất (nhà tắm).

8- Từ nhược tại trở xuống là nói phòng hương nghiêm.

Thứ tám, đầu là dẫn tăng, nhất là khuyển tạo lập.

Thập tụng trở xuống là nói chỗ để. Luật Tăng-kỳ nói lau chùi, dọn rửa. Nói tự tương giai nghĩa là bốn chúng, nên cùng nhau lau chùi dọn dẹp. Luận Tỳ-ni Mẫu nói thuyết pháp.

Tịnh nhân duyên là nêu chung.

Bất vi đẳng nghĩa là ban tiên đầu dạy lia lỗi.

Đương trở xuống là dạy quán hạnh. Câu trên quán thân, tức chín cách quán tưởng bất tịnh. Hai câu dưới là quán tâm.

Điều phục là dứt ác, sinh lòng từ, tức tu thiện.

Vi trở xuống là nêu thuyết ý. Như thị trở xuống là chỉ rộng. Mỗi sự nghĩa là ăn nhiều hoặc ít tất cả chúng đều nhóm họp lại, v.v...

Thứ chín rất dễ hiểu.

Thứ mười nói Đại luận tức luận Đại Trí Độ.

Thiền tượng tức dùng tre hoặc cây cỏ lau để làm, dài tám khuỷu tay. Vị hạ tọa tay cầm đi tuần hành, có người ngủ thì đánh thức dậy giao cho họ. Lại có người ngủ gục nữa thì cũng chuyển trao như vậy. Thiền cục giống như Mao cục, từ xa ném tới để đánh thức người ngủ gục. Thiền trấn giống như cát hốt, khi ngồi thiền để đè trên đỉnh đầu, phải làm một cái lỗ xuyên dây buộc trên lỗ tai, khi ngủ gục liền rớt xuống đất. Đức Phật dạy rớt một lần thì cho duỗi một chân, rớt hai lần duỗi hai chân, rớt ba lần thì đứng dậy đi kinh hành.

Cốt nhân tức nay là bị xương khô. Nương vào sắc tướng này để giúp cho pháp tu thiền.

Hảo Sư nghĩa là hễ muốn ngồi thiền thì trước phải tìm thầy để quyết nghị, sự phải thông hiểu ba môn học Đại thừa, Tiểu thừa.

Giải hạnh gồm đầy đủ thiện thức thời nghi, cho nên nói là hảo.

Hảo chiếu: có thuyết nói rằng chỗ ngồi thiền thường treo gương sáng để giúp tâm hạnh. Hoặc lấy loại đá trong suốt hiện tượng, hoặc để ảnh sáng giao nhau.

Y phục nghĩa là xúc tịnh vì thay đổi.

Trong phần mười một, đầu tiên nêu như pháp, bất trở xuống là phân biệt vật phi pháp.

Trong phần mười hai, đầu tiên chế lia lỗi.

Nhân súc cước: giống như nay làm giường loại mặt thú chân giống chân beo.

Chư trở xuống là khai dự bị.

Mãnh là tên chung của đồ dùng.

Trong phần mười ba, đầu tiên nói về dụng cụ nhuộm y.

Thiền thất liêm (Thiền), dùng nọc đâm vào đó để treo áo.

Nhược trở xuống giữ gìn giếng.

Lộ trở xuống là đập củi.

Trong phần mười bốn, khoa đầu trước nhận người khác thí. Vật chiêu đề chung cho bốn phương tặng thọ dụng. Từ Chư trở xuống là nói khai tự làm nhưng phải đúng lượng như phần thứ hai nói về phòng.

Luật trở xuống là chỉ rộng tức trong Kiên-độ phòng xá kia nói cách làm phòng. Nếu làm cách chướng tức phía trước che làm phòng bên trong. Làm nhà, tường, giường lớn, giường nhỏ phải để bằng, dưới đất che khắp bốn phía nhà.

Tạp vật mỗi vật bạch Phật, Phật đều nói cho phép, vì thế nói là sự sự...

Nhược trở xuống là nói tu sửa.

Khoa kế có năm tiết:

1- Nói Đức Phật tự làm. Lúc Đức Phật ở nước A-la-côn thấy cửa chùa bị hư, bèn tự mình sửa chữa lại.

2- Từ Tăng trở xuống là nói làm dụng cụ.

3- Từ Tăng phòng trở xuống nói tu sửa (sửa chữa).

4- Từ kế tăng phòng trở xuống là nói Thượng tọa tự làm để khuyên người khác, sợ tự ý lại, dẫn nhân duyên ngài Ca-diếp làm thí dụ.

Luận Tát-bà-đa nói rằng: Ngài Xá-lợi-phất xây dựng tinh xá Kỳ-hoàn. Ngài Mục-kiền-liên xây dựng năm trăm tinh xá. Luận ấy hỏi rằng: Các đệ tử đã làm xong vì sao lại bận bịu làm các phước nghiệp?

Đáp:

1- Vì để báo đáp ân sâu.

2- Vì để nuôi lớn Phật pháp.

3- Diệt tâm của chúng sinh thấp kém, làm được chút phước nghiệp tự sinh tâm cống cao.

4- Điều phục tâm kiêu mạn của đệ tử đời sau.

5- Phát khởi phước nghiệp của chúng sinh đời sau.

6- Từ Tỳ-kheo trở xuống là nói việc làm của Đạo chúng, chữ Thượng là hướng lên.

Trong phần ba, luật Tăng-kỳ khai vẽ tường, nam nữ hòa hợp là tạo ra cảnh tượng dâm dục.

Luật Tử Phần, đầu tiên nói nghiêm sức. Cũng không được dùng đồng như trên, trừ cảnh tượng hòa hợp của nam nữ.

A-nan trở xuống là nói thọ nhận phòng.

Nhược trở xuống là nói đất của tăng xây dựng phòng. Do đất thuộc tăng đúng lẽ phải nhường cho khách. Chiếm cứ không làm lấy đất trả lại cho tăng.

Nếu kinh doanh trở xuống là nói phải bền chắc.

Hai mươi năm là một kỉ.

Nếu làm việc trở xuống là nói thưởng cho người kinh doanh.

Chín mươi ngày là một mùa an cư.

Nếu có trở xuống là sửa chữa phòng xá.

Trong Luật nói Tỳ-kheo tự lực không thành, tục nhân cùng nhau làm, do phải hòa chúng với người thế tục, nên chế Yết-ma cho đó.

Luật Ngũ Phần nêu tên: nêu riêng làm dấu.

Luật Thập Tụng, đầu tiên nói Tăng Ni xen nhau thí. Thí không đúng pháp là lỗi của Tỳ-kheo vì không hợp với Ni.

Phi pháp thọ: Tăng Ni cũng có lỗi này. Phi pháp dùng lỗi của Ni đây, hoặc có thể phi pháp thọ dụng đều thuộc về Ni.

Nhược phòng trở xuống là răn dè chủ, thuộc về tự nhậm. Đoạt một cho một là nói về người. Đây nghĩa là đàn việt còn, chỉ có thể tùy người coi sóc, không được thiên vị đem vật của mình cho, đoạt vì giữ gìn tâm thí.

Trị trở xuống là nói thưởng công, làm mới đồng như sửa chữa cũ giảm một nửa, vì công nhiều ít.

Luật Tăng-kỳ, một trước nói sửa chữa phòng hư. Tùy công nhiều ít nghĩa là sửa chữa hai năm được ở hai năm, sửa chữa ba năm được ở ba năm.

2- Kế, từ nhược trở xuống là nói sửa phòng trống, nghĩa là không bị hư hoại chỉ thiếu người thọ dụng.

3- Ba, từ nhược trở xuống là nói sửa đồ thọ dụng, nghĩa là đồ lặt vặt nhưng cũ hoặc xưa mới sửa mà thôi.

Một thời là đồng chín mươi nói trên.

THIÊN GIẢI THÍCH ĐỐI THÍ

Đối thí người năng thọ, chung cho năm chúng. Thí là vật sở thọ, gồm bốn việc kia, hưng trị là trí năng quán, ba độc là lỗi sở trị, nhưng người xuất gia an nhàn thông thả không thể không tính công nhiều cày ruộng, chăn tằm. Bốn việc tư duyên đều do tín thí. Vả lại, áo mặc nơi thân, cơm ăn trong miệng không đúng thời thì không nên thọ nhận, nếu tùy sự đối trị thì mới phát sinh được điều lành ở đời. Nếu buông lung

tham nhiệm thì bị đọa lạc chốn u đồ. Xét một môn này rất tâm yếu. Tự mình không có trách nhiệm về ý thức siêu việt mà nêu bốn hoài xuất gia thì phải đối diện ngàn núi, thước tắc mà dài muôn dặm.

Trong phần trình bày ý:

* Khoa đầu văn có bốn tiết:

1- Hai câu trên nêu căn bản của phước đạo.

Phước là nghiệp lành, quyết phải từ thắng cảnh mà sinh, vì thế gọi là ruộng xuất tịnh, ruộng có ba thứ:

- Tam Bảo là ruộng kính.

- Cha mẹ là ruộng ân.

- Người bệnh là ruộng bi.

Tên ruộng tuy chung, nay nói là đối thí. Nêu riêng Tăng bảo, đạo thể thanh tịnh, ít tham dục, thuận với Đạo, đây là điều trước tiên của Đạo, nói là ít tham dục, tức bốn y, mười hai hạnh Đầu-đà.

2- Từ Vi trở xuống là riêng nêu. Đầu nói câu trên do ruộng tịnh, phát tâm thí kia nên nói là duy trọng duy đa. Thọ trở xuống là giải thích câu kế. Trong cùng (tiết) là y cứ về tâm, nhiều ít là y cứ vào vật.

3- Từ đa cúng trở xuống là nói hợp pháp.

4- Từ luật trở xuống là dẫn chứng.

* Khoa kế:

1- Hai câu đầu nêu khác thế tục, ý nói thọ thí chẳng thể không có pháp. Ca-sa là tiêu chí của ba thừa, nên gọi là Thánh phước.

2- Từ có trở xuống nói thọ thí.

3- Từ nếu trở xuống nói hợp giáo.

Người thí không san, người thọ không tham, nên nói là năng sở không dấu vết, không đâu chẳng không.

Quy thẳng là dụ cho pháp luật. Chữ thành âm lộn, quy là viên quy, thẳng tức là pháp dây mực. Luật không thực hành thì tùy đó mà diệt, nên nói là nương vào đâu.

Như trở xuống là kết khuyên. Thiện tĩnh tức năng quán. Thời tứ tức bốn việc. Có sức lực nghĩa là an thân, vô sự nghĩa là ít ham muốn, giúp cho thành đạo hạnh nên gọi là Đạo duyên, nếu chỉ lo dưỡng thân thì đây là nhân khổ mà thôi.

* Khoa thứ ba: hai chữ đầu suốt thuận nghịch ở trên.

Tham trở xuống là nêu tâm hạnh kia.

Hai câu trên là nói tham lam do tâm.

Đấm trước nên sinh tham, tiết độ thì không nhiễm. Hai câu dưới nói lên vốn không phải cảnh trước. Đây là nói mê muội tham lam không

phải do tâm tốt xấu.

Như Luận Trí Độ chép: Có một bà lão bán bánh Bạch tủy. Có một người Bà-la-môn đấm ăn no, sau không có sắc vị, do đó liền hỏi bà lão đáp:

Phu nhân nhà tôi, ở chỗ kín sinh mụn nhọt, dùng nước bột gạo, sữa, cam thảo truyền vào đó. Ung nhọt chín muối, máu huyết chảy ra đem hòa hợp làm bánh. Nay phu nhân tôi bệnh đã bớt, do đây bánh không có mùi vị, người Bà-la-môn nghe vậy liền ói ra.

Túng tâm nghĩa là tham đấm, y cứ về trí tức đối trị.

Sở trở xuống hai câu kết nêu nhân quả. Thiệt ác là nhân, thăng trầm là quả.

Tác lòng bên trong đều nói ở tâm, nghĩa là tâm tức bốn tác lòng thân.

Thị trở xuống là răn nhắc, thời duyên là sự cung kính.

Thâm cương: hoặc y cứ về khoa tội, hoặc dụ cho đường khổ.

* Khoa thứ tư:

1- Dụ tham độc rất mạnh.

2- Từ nhược trở xuống là nói pháp đáng cấm chế.

3- Ký trở xuống là nói thân tâm trái nhau.

4- Dẫn trở xuống là nêu thế tục để ví dụ.

Chín lưu gồm:

1- Nho lưu (Thuật đạo của chánh tông Trọng Ni đời Đường, đời Ngô.

2- Đạo lưu.

3- Âm dương lưu.

4- Pháp lưu (Nói thưởng sắc, pháp giúp cho việc lễ chế).

5- Danh lưu (Chánh gọi là liệt vị, nói thuận sự thành).

6- Mặc lưu (đời Thanh tông tự dưỡng lão thi ân).

7- Tung hoành lưu.

8- Tạp lưu (kiêm Nho mặc, gồm danh pháp, biết đại lễ quốc sự không đâu chẳng thông suốt).

9- Nông lưu (khuyến khích cày ruộng, chăn tằm để cho đầy đủ lương thực).

Sách của thế tục không nêu ra chín loại này. Đây là nói thế luận còn như vậy, trong Đạo không làm được như vậy.

Trong Nghiệp Sở dẫn luận Ngữ rằng:

1- Văn không có nói về thuốc men, ẩn trong phần nói về thức ăn, hoặc có thể thức ăn bao gồm bốn thứ thuốc, lìa bỏ phòng nệm.

2- Nêu như văn. Đây là dùng trí chuyển cảnh trở lại hàng phục cuồng tình. Tích tượng là dụng cụ để đi khát thực, vì thế nêu trong phần thức ăn. Như giống như là thái.

Trong phần nói hòa hợp nghĩa là đất, gỗ làm thành. Nãi trở xuống tức nói về ngoại cụ. Tác trở xuống là tổng kết đoạn nêu danh ở trước.

Có thể vui tức hạnh viễn ly, là nhân giải thoát. Nhược trở xuống là khen người.

Nói như Phật pháp nghĩa là rõ suốt, tham đắm là luống dối, xa lìa luống dối thấy được tâm thanh tịnh. Lại hiểu tâm tham vô ngã vì tánh nó vốn không, lại biết như huyễn vì tướng vốn không. Lại biết không có cảnh vì chỉ có thức. Do đây quán sát, Thánh hạnh xuất ly là pháp chân thật.

Trong phần bốn, đầu tiên nêu khổ hiện tại để so sánh. Văn nêu sáu việc, tức ngoài bốn việc lại thêm lễ kính và cúng dường.

Trong luật, trước nêu hỏi các Tỳ-kheo rằng: Ông cho rằng thật do đồng nóng quán thân, làm y thiêu đốt thân hình. Ông thà mặc áo thiện nam, tìn nữ chẳng?

Tỳ-kheo đáp rằng: Con thà mặc áo thiện nam, tìn nữ.

Phật quở trách rằng: Ông là người ngu si, thà dùng sắt nóng quán thân làm cháy rụi thân hình. Vì sao? Vì không do đây mà đọa vào ba đường ác.

Phần năm còn lại cũng giống như vậy. Vì văn này tóm lược, sau gồm nêu lý do. Nhược trở xuống là nói phi pháp, vọng thọ tướng nhân quả. Tâm không có đức nên nói rằng bên trong trống không. Thân ra vẻ oai dung nên nói hiện bên ngoài.

Thị trở xuống là khuyên tu. Ba câu đầu là khuyên đúng như pháp mà thọ trì. Bốn câu dưới nói tự mình và người được lợi ích. Chỉ trong các văn là chỉ quả báo ở trước. Kia nói: Tỳ-kheo Tăng Hộ đi bên bờ biển thấy các ngạ quỷ chịu khổ.

Điều 56, trong đó phần nhiều là vào thời Phật Ca-diếp, các Tỳ-kheo vọng thọ của tín thí, vì dung phi pháp vật của tăng nên chịu quả báo này. Kinh có một quyển tìm xem sẽ rõ.

Sau chỉ pháp đối trị, có trong các văn, đại khái giống như trước, vì thế không phiền dẫn ra đây.

Trong phần ba: Muốn nói quán pháp kinh luận rộng khen dạy. Ý khiến vâng tìn không thể tạm quên. Vì thế nói: lập quán có giáo.

Luận Trí Độ, trước nói kết nghiệp, sau nêu quả báo đời sau. Trùng là báo riêng, nước đồng sôi là báo chung.

Luật Thập Tụng nói tồn mạng tức kinh Di Giáo nói rằng: Thú được chi thân để trừ đói khát không có ý khác.

Già luận nói trong kho trong xuất địa nghĩa là gieo hạt giống rải xuống ruộng.

Phần niệu hòa hợp nghĩa là vun bồi cho ruộng.

Luận Tỳ-ni Mầu nói lợi căn nghĩa là nhiếp tâm thành thực, vì thế việc nào cũng quán sát không. Độn căn thì ngược lại vì không có lực phần. Nay phần nhiều trước khi ăn phải tác quán, hễ theo pháp độn không ngại bậc Trí sĩ, tự thông trước sau. Trong Phật tạng, trước dẫn sự nghi, chánh là dùng pháp quán thức ăn.

Trong phần nói chung của môn thứ tư, trước nêu bốn việc. Năng trở xuống là nêu bày đúng sai. Trên nói lợi ích của sự đúng pháp. Nhược trở xuống là nêu sự tổn hại của sự phi pháp, phi giống như trách.

Sau dẫn kinh Niết-bàn chứng đồng phi pháp như trên, giảm ít nghĩa là được phước không nhiều. Vô báo nghĩa là đều không có lợi ích.

Khoa kế, hai câu đầu tiếp trước khởi sau.

Nói đẳng đồng nghĩa là bốn việc trên đều giúp thân. Vì thế, nói về phòng xá, y và thuốc ba việc ít dùng, thức ăn thì dùng nhiều.

Phật nghĩa là đối cảnh khởi tâm.

Thực trở xuống là chánh nói về lỗi của việc ăn uống. Đều là nêu lỗi. Chính dụ như lý. Nhưng nói khó nghĩa là hoặc y cứ vào văn nay lập pháp, hoặc đối cảnh khuyên tu, hai ý đều chung. Nhược trở xuống là khuyên. Đầu tiên là chánh khuyên, phu trở xuống là nêu lỗi. Cố trở xuống là dẫn bày sách tấn.

Tâm phủ: không khiến cho bụng lung biếng nhác. Cải tiết tháo nghĩa là đổi thói quen xưa. Loài trùng thác sinh phần nhiều là nương chỗ dơ uest, ở những tảng đá sạch hay chỗ sạch ít thấy chúng sinh, đây là y cứ về báo xứ để hiển bày túc nhân.

Trong phần chánh nêu, câu đầu của khoa đầu là nêu phân biệt, câu kế là hiển ý. Đạo tức là đường. Lược trở xuống là nêu xuất xứ của pháp. Muốn nói cách quán, trước tiên phải biết đại cương.

Năm là cảnh sở quán. Quán là tâm cảnh năng tư. Sự là sai khác, lược nêu năm món. Tâm quán gồm thông, không đâu chẳng yếm trị. Dùng chung suốt riêng, năng sở hợp xứng nên gọi là năm quán. Song tâm tùy cảnh khởi vì cảnh lập tâm sáng. Nay luận quán chỉ phân cảnh trước, cảnh tuy có năm gồm thâu thành ba:

1- Quán thức ăn.

2- Quán thân.

3- Gồm quán tâm.

Từ sơ đến thân, cách quán thứ lớp. Hễ khi gặp cúng thí trải qua quán năm cách này, vọng tình dần dần hàng phục mới có thể dùng. Không như vậy thì sẽ bị độc tức là nhân dơ uest, bị đọa trong ba đường trọn vì thức ăn này, có thể không dè dặt ư? Đầu tiên quán thức ăn có hai, hai câu phân ra. Hai chữ kế lượng tức quán trí. Luận Trí Độ chỉ nói tính công một cảnh. Câu đầu là nêu tâm năng quán. Khẩn trở xuống là nêu cảnh sở quán, lại có ba:

1- Quán công sức, nghĩa là khai khẩn cày bừa, gieo trồng.

Trừ cỏ là cỏ dơ uest.

Thu hoạch là gặt lúa.

Hoạch âm hoạch,

Nhu trị tức dẫm ngũ cốc.

Nhu âm là nhum, hoặc là thượng hô.

2- Tu trở xuống là quán biến uest, vừa nhập sinh tạng là dơ uest. Kế nhập thực tạng tức thành phần niệu.

3- Từ ngã trở xuống là quán lai báo. Cố trở xuống luận gia kết khuyến.

Luật Tăng-kỳ nói đủ hai cảnh, câu đầu gồm nêu, kế trở xuống là nêu quán. Hai câu đầu quán công, vẫn nêu một mặt, dùng ít so sánh nhiều. Hai câu kế là quán chỗ đem đến. Câu cuối là khiển trách phí tổn.

Trong phần hai nêu lên nghĩ kỹ, cũng tức là quán trí. Đây nghĩa là lượng chỗ tu hạnh nghiệp của mình, tức hạnh nghiệp này là cảnh sở quán.

Luận Tỳ-ni Mẫu nói đủ năng sở có hai người. Ý nêu chỗ cúng thí không có đức thì không thể kham thọ.

Đầu tiên là phân biệt đức nghiệp nêu đủ ba thứ: Thiên tụng là tự hạnh, doanh sự là lợi thức ăn, ba nghiệp là ba thứ trên.

Tỳ-kheo trở xuống là răn dè tiết lượng, có ba:

1- Y cứ về hậu báo mà khuyến. Vẫn nói thức ăn của mình thì không bị đọa. Ý nói lên Tỳ-kheo không có thức ăn của riêng mình.

2- Từ hà trở xuống là nêu ý chế tiết cần phải vâng theo.

2- Y cứ về phá hủy để khuyến. Nói năng thọ năng tiêu, trái lại nói phá giới đều không thể được.

Quả báo ít là y cứ có mà nói, hoặc lại thì không. Trong phần chú thích, câu đầu kết trên, câu sau chỉ trước, tức văn của luật Tứ Phần trong môn thứ hai.

3- Từ tức trở xuống là y cứ về sinh hoạn để khuyên. Trong phần ba nói ngăn ngừa. Tâm năng quán nầy tức là sở quán, đây là căn bản của cách quán. Trước sau bốn quán chỉ là phòng tâm, cho nên trong phần xử để gồm trước sau.

Trong phần dẫn nêu, đầu tiên là gồm nêu. Người xuất gia là gồm thâm năm chúng. Trước sau nêu riêng. Đầu là lỗi tướng. Phải trở xuống là nói lìa lỗi. Phần ba trong phần đầu nói không có tâm lành như văn.

Kế là nêu, trong phần nói về tham có bốn:

- 1- Tham sự buông lung.
- 2- Cống cao.
- 3- Đắm trước sự ham muốn.
- 4- Ngu si.

Ba- chấp về dụng mạo sáng sủa.

Bốn- y cứ vào cơ thể tráng kiện không xen lẫn nhau.

Thích là vui vẻ. Túy là hôn mê, chấp dụ như có, thiện là tên chung của việc ăn uống. Phạm đối với thức ăn đó, mắt không nhìn kỹ, tâm không cố chấp, nên nói là không phân.

Si thuộc về xả thọ nên nói là si xả.

Sơ trở xuống: do ở trước nói Thượng thực, chưa rõ quả tướng, vì thế ở đây nêu lên.

Câu cuối hiển bày lược.

Kế trong phần lìa lỗi, đầu tiên là nêu bày.

Ba thiện là nhân, ba đạo là quả.

Vị trở xuống phối hợp văn giải thích.

Hai từ lược trở xuống. Nên nói rằng: Hạ thực không sinh trong loài người, thực không si sinh loài A-tu-la. Trong phần bốn, đầu tiên là gồm nêu:

Chánh là lựa không có ý khác. Sự giống như dụng. Chánh là muốn sự đồng uống thuốc là để trị bệnh cho thân mà thôi.

Vị trở xuống là giải thích riêng, đầu tiên đối với hai bệnh. Bệnh nghĩa là thường có, cũng gọi là chủ bệnh, vì là thường còn.

Kế trong phần nói hai thí dụ. Đầu từ như trở xuống là dẫn, chữ cao khứ thanh.

Kế là nêu kinh Niết-bàn.

Trong phần năm có ba:

1- Cần phải ăn là để nương duyên đạo. Đoàn thực cũng gọi là đoạn thực.

2- Mượn thân: thành đạo khí.

3- Tu ba món vô lậu học chánh là hiển bày đạo nghiệp, sau văn dẫn rất dễ hiểu.

Giữ gìn Phật tạng ở đời đều là kinh Đại Thừa, kinh tức là vọng chấp, đảo là bốn đảo:

- Vô thường chấp là thường.
- Không vui chấp là vui.
- Vô ngã chấp là ngã.
- Bất tịnh cho là tịnh.

Trong phần năm,

1- Bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm: câu đầu là gặp cảnh. Ba câu sau là khởi tâm. Sở thí là Tăng, nguyện là Phật, pháp. Tam bảo đầy đủ.

2- Năm phần tăng, kế y cứ vào chí nguyện lực kia có thể được chắng. Như kinh Niết-bàn chép: Sau khi ta diệt độ, phần nhiều vì sự ăn, mặc, vì thế người xuất gia không nên mặc ý thọ sự cúng thí.

3- Luật Thập tụng nói là thỉnh pháp. Đầu tiên nêu oai nghi. Im lặng là miệng, nhất tâm là ý, tịnh trì v.v... là thân. Ứng trở xuống là nói pháp quán có ba:

- Quán công sức từ nơi nào đem đến.
- Từ đương trở xuống là quán biến thành dơ uế. Thức ăn ở ruột non chưa biến đổi gọi là sinh tạng, sau biến đổi là phần tiểu gọi là thực tạng.
- Do trở xuống là quán sự duyên. Nghĩa là kinh doanh nhiều loạn phát khởi ba đường.

4- Dẫn nhân duyên trong luận, người nghe đủ để tự soi chiếu mình.

Rắn hóa sinh, nghĩa là loài súc sinh chung có bốn cách sinh. Diên nghĩa là duỗi ra cho dài.

Bốn đẳng là Từ, bi, hỷ, xả bình đẳng lòng từ nhiếp hết. Độc không thể tăng thêm nên dùng đây để quán.

5- Đầu dẫn luận Tỳ-ni Mẫu. Trải qua sự sinh niệm để nói thọ tụng, không phải đắm chìm theo cái vui thế gian.

Kế là dẫn người truyền, chưa rõ văn nào hoặc có thể bình hô tác tướng truyền giải thích.

Ba muống và rau tức phát ba tụ và bốn hoàng thệ nguyện rộng lớn. Chỉ hai, bốn khai hợp khác mà thôi.

Chỉ như trở xuống tức trong phần thỉnh.

Trong phần sáu, luật Tứ Phần trước dạy tiết lượng.

Hựu trở xuống là nêu lợi ích. Khổ tức là bệnh, trong kinh Tăng

Nhất A-hàm, đầu tiên là nêu lỗi. Cố trở xuống là dẫn sự răn dè. Trong bài kệ, pháp dụ rất dễ thấy.

Trong phần bảy, kinh ấy nói vì có bốn quốc của Ca-chiên-diên có vua tà kiến. Đức Phật sai Ca-chiên-diên đến đó để giáo hóa. Nhà vua cúng thức ăn dở cho Ca-chiên-diên rồi sai người hỏi: có vừa ý chăng?

Ca-chiên-diên đáp: Thức ăn no đủ vừa ý.

Sau nhà vua cúng thức ăn ngon, cũng cho người hỏi thì Ca-chiên-diên cũng đáp như lần trước.

Sau đó, nhà Vua tự hỏi: Ta đã cúng thức ăn cho Ca-chiên-diên, bất luận ngon dở, Ca-chiên-diên đều trả lời là no đủ là sao?

Ca-chiên-diên liền dùng kệ đáp, như trong lời sao đã dẫn.

Về sau, nhà vua cúng cho ngoại đạo hai thức ăn giống như trước, người ngoài đạo nầy sinh tâm tức giận và ưa thích. Vua bèn sinh lòng tin đối với Ca-chiên-diên. Vì thế nói là nghiệm biết, v.v...

Trong bài kệ, hai chữ đầu là pháp. Như trở xuống gồm thí dụ.

Phàm xe thì phải có dầu mỡ ở hai đầu trục ngang, chỉ lấy ý là làm cho trơn để vận chuyển, không phân biệt dầu mỡ thơm hôi.

Trong phần tám, van trong kinh:

1- Nói thượng hạnh.

Nói “hạ cực biên”: vì không có lỗi. Đây là trông mong thế gian nên nói là cực hạ. Như đối với Thánh Đạo thì là tối thượng nên gọi là thượng hạnh, cũng gọi là Thánh chủng.

2- Từ bỉ trở xuống nêu hai căn.

- Thượng căn. Tộc tánh tử nghĩa là giòng họ cao quý. Vi nghĩa tức ở sau nói nhằm chán họa sinh tử, thọ nghĩa là kính tin.

- Từ nhược trở xuống là Hạ căn.

Tư dục là ba thứ suy nghĩ bất thiện trong kinh nói.

Không khéo suy nghĩ nghĩa là suy nghĩ năm món dục, suy nghĩ sân độc và suy nghĩ đối trá, v.v...

Trong phần kết, câu đầu là khuyên tu, hai câu sau là răn dè, khuyến khích.

Tùy được nghĩa là thọ thực. Tùy mất nghĩa là mất chánh niệm.

Bị độc đoạt nêu lý do mất, do độc quá mạnh niệm không thể thành, cho nên trong bộ luận Tỳ-ni Mầu nói: Nếu không như vậy sẽ bị quỷ La-sát đoạt. La-sát dụ cho ba độc, nhưng họa của miệng và bụng là độc, vừa khởi niệm ưa thích thì liền chuốc lấy tai ương nhiều kiếp. Nên biết ba độc là ba đường ác, phải đối với sự việc mà ngăn ngừa tâm, chẳng những làm thân lý bại, vì thế Nghiệp Sở chép: Bạc Đại trượng

phu không thể gây ra lỗi lớn, huống chi là chỉ một miếng ăn vào miệng mà phải bị chìm đắm ư?, cái gọi là rất yếu hèn.

Lời dạy của Đức Từ phụ rất là âu xa, than ôi! Người học sao lại tự khinh mình.

